

Số: 647/CTK-TH

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 9 năm 2023

## TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH LÂM ĐỒNG ƯỚC THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Tình hình kinh tế - xã hội trong nước trong 9 tháng đầu năm 2023 gặp nhiều khó khăn, thách thức làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm hơn cùng kỳ; tuy nhiên nền kinh tế cũng đang từng bước phục hồi và phát triển trên các lĩnh vực, các ngành sản xuất kinh doanh đang phục hồi hoạt động, năng lực sản xuất ổn định; thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu ngày càng phát triển.

Ngay từ những tháng đầu năm 2023, tỉnh Lâm Đồng thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 và Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 07/12/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng - hệ thống chính trị năm 2023. Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức, như: thu ngân sách nhà nước, giải ngân vốn đầu tư công gặp nhiều khó khăn; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng một số dự án đầu tư công còn chậm; giá cả vật tư, nguyên liệu đầu vào, lãi suất ngân hàng cho vay vẫn ở mức cao, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh; đời sống của một bộ phận người dân còn gặp khó khăn... ảnh hưởng đến tăng trưởng trên một số ngành, lĩnh vực. Kết quả đạt được của các ngành, các lĩnh vực trong 9 tháng năm 2023 như sau:

### 1. Tăng trưởng GRDP 9 tháng đầu năm 2023

Cùng với cả nước việc triển khai đồng bộ các chính sách, hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, tỉnh Lâm Đồng được thực hiện tốt. Nhận định tình hình kinh tế - xã hội trong quý III năm 2023, tăng trưởng hầu hết ở các ngành kinh tế, nhưng cũng có một số ngành tăng trưởng chậm hoặc giảm nhẹ. Dự ước tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 9 tháng năm 2023 theo giá so sánh 2010 đạt 37.103,9 tỷ đồng, tăng 5,14% so với cùng kỳ. Trong mức tăng chung của toàn tỉnh, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 9.509,3 tỷ đồng, tăng 6,28%, đóng góp 1,59 điểm phần trăm trong mức tăng chung của GRDP. Khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 7.802,1 tỷ đồng, tăng 4,68%, đóng góp 0,99 điểm phần trăm trong mức tăng chung của GRDP; trong đó

ngành công nghiệp đạt 4.643,4 tỷ đồng, chiếm 59,64% trong khu vực này, tăng 2,81% so với cùng kỳ, đóng góp 0,36 điểm phần trăm trong mức tăng chung của GRDP. Khu vực dịch vụ đạt 11.294,5 tỷ đồng, tăng 4,6% so với cùng kỳ, đóng góp 2,19 điểm phần trăm trong mức tăng chung của GRDP. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 1.455 tỷ đồng, tăng 6,22% so với cùng kỳ, với mức đóng góp 0,36 điểm phần trăm trong mức tăng GRDP.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 9 tháng năm 2023 theo giá hiện hành đạt 70.762,9 tỷ đồng, tăng 9,81% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 18.740,2 tỷ đồng, tăng 7,08%; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 16.278,3 tỷ đồng, tăng 13,46%; khu vực dịch vụ đạt 31.573,6 tỷ đồng, tăng 9,52%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 4.170,9 tỷ đồng, tăng 10,88% so với cùng kỳ. Cơ cấu kinh tế 9 tháng đầu năm 2023: khu vực I là 28,14%, khu vực II là 24,44% và khu vực III là 47,42%.

### **Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 9 tháng đầu năm 2023**

	<b>9 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (%)</b>	<b>Cơ cấu kinh tế (VA) 9 tháng đầu 2023 (%)</b>
<b>Tổng số</b>	<b>105,14</b>	
<b>Tổng số VA</b>	<b>105,07</b>	<b>100,00</b>
- Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản	106,28	28,14
- Khu vực công nghiệp - xây dựng	104,68	24,44
+ Trong đó: Công nghiệp	102,81	15,85
- Khu vực dịch vụ	104,60	47,42
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	106,22	

## **2. Hoạt động tài chính, tín dụng**

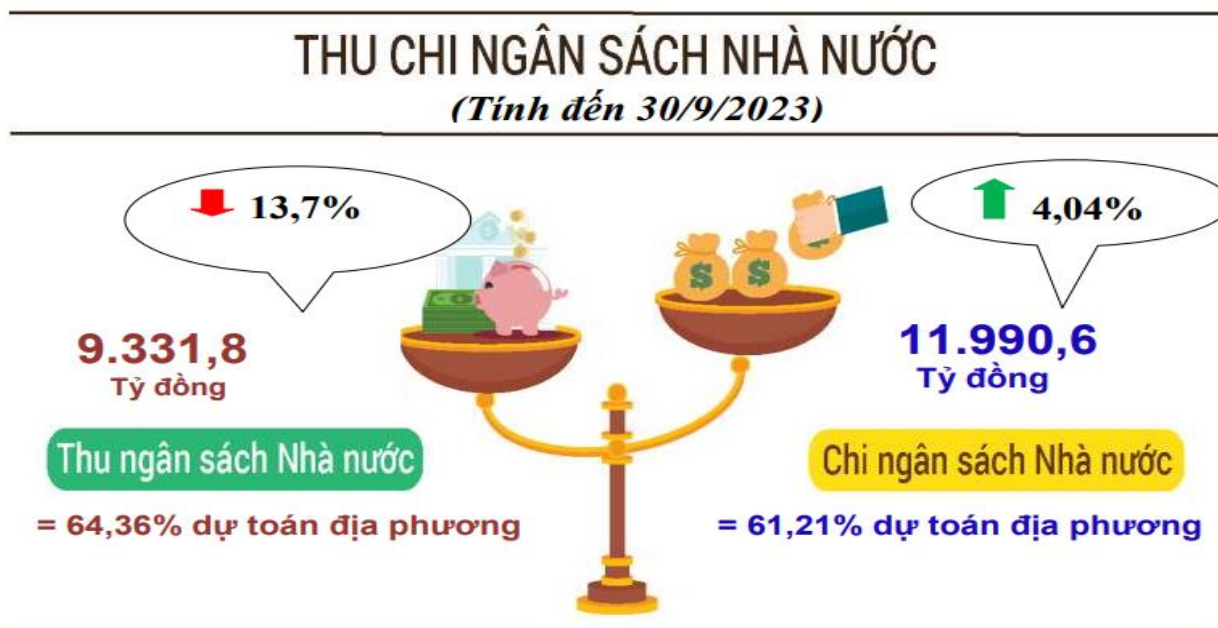
### **2.1. Hoạt động tài chính<sup>(1)</sup>**

*Nhiệm vụ quản lý, điều hành ngân sách trong những tháng đầu năm 2023, các ngành chức năng tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về điều hành thu, chi ngân sách Nhà nước theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế và UBND tỉnh; đẩy nhanh tiến độ thu ngân sách theo*

<sup>(1)</sup> Nguồn: Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng.

- Tổng thu ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2023 đạt 21.405 tỷ đồng, đạt 109,77% dự toán địa phương, tăng 1,5% so với cùng kỳ.

lộ trình, kế hoạch đã đề ra; tập trung hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Tăng cường thông tin, tuyên truyền về thủ tục hành chính thuế, các chính sách thuế mới, nội dung sửa đổi, tiếp tục cải cách hiện đại hóa hệ thống thuế, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế, duy trì dịch vụ kê khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, hệ thống hóa đơn điện tử. Công tác quản lý thu, chi ngân sách địa phương cơ bản đã thực hiện đảm bảo được các khoản thu, chi theo dự toán được giao.



Tổng thu ngân sách Nhà nước lũy kế 9 tháng đầu năm ước đạt 9.331,8 tỷ đồng, bằng 64,36% dự toán địa phương và giảm 13,7% so với cùng kỳ. Trong đó, các khoản thu chính như sau:

- Thu nội địa 9 tháng đầu năm 2023 đạt 9.095,6 tỷ đồng, bằng 64,33% dự toán địa phương và giảm 15,1% so với cùng kỳ. Trong đó, nguồn thu từ thuế ngoài quốc doanh đạt 2.750 tỷ đồng, tăng 14,27%; doanh nghiệp Nhà nước đạt 937,7 tỷ đồng, tăng 20,52%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 91,9 tỷ đồng, tăng 23,22%; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 1.542,1 tỷ đồng, tăng 28,68% so với cùng kỳ.

- Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu lũy kế 9 tháng đầu năm đạt 236,3 tỷ đồng, bằng 65,63% dự toán địa phương và tăng 4,86% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương lũy kế 9 tháng đầu năm 2023 ước đạt 11.990,6 tỷ đồng, bằng 61,21% dự toán địa phương và tăng 4,04% so với cùng kỳ. Trong đó, chi thường xuyên 9 tháng đầu năm đạt 5.845,9 tỷ đồng, bằng 58,4% dự toán địa phương và tăng 3%; chi đầu tư phát triển đạt 2.448,3 tỷ đồng, bằng 44,16% dự toán địa phương và tăng giảm 3% so với cùng kỳ.

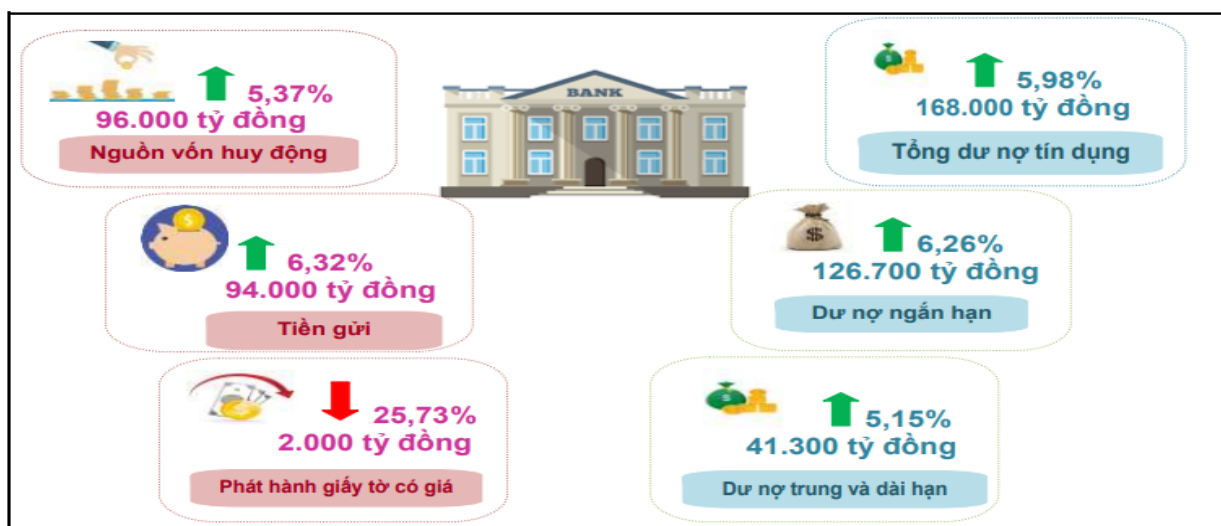
## 2.2. Hoạt động tín dụng<sup>(2)</sup>

Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục triển khai các chủ trương, chính sách, quy định của ngành, của Nhà nước và của địa phương đến các đối tượng có liên quan. Thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng có hiệu quả đi đôi với kiểm soát chất lượng. Tiếp tục thực hiện cho vay Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng với trên 619 khách hàng còn dư nợ, dư nợ chương trình này đến cuối tháng 9/2023 đạt 6.200 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện lãi suất: Lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 0,5%/năm đối với tiền gửi kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,44%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 6,19%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,72% - 6,87%/năm.

### Tín dụng ngân hàng tính đến 30/9/2023

(So với thời điểm 31/12/2022)



**Hoạt động huy động vốn:** Ước tính đến 30/9/2023, tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh ước tính đạt 96.000 tỷ đồng, tăng 5,37% so với thời điểm kết thúc năm 2022, trong đó, tiền gửi VND đạt 93.120 tỷ đồng, tăng 6,45% so với thời điểm kết thúc năm 2022. Phân theo cơ cấu tiền gửi: Tiền gửi tiết kiệm đạt 67.200 tỷ đồng, tăng 9,28%; tiền gửi thanh toán và ký quỹ đạt 26.800 tỷ đồng, giảm 0,45%.

**Hoạt động tín dụng:** Ước tính đến 30/9/2023, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn tỉnh đạt 168.000 tỷ đồng, tăng 5,98% so với thời điểm kết thúc năm 2022, trong đó dư nợ cho vay theo kỳ hạn ngắn hạn đạt 126.700 tỷ đồng, tăng 6,26% và dư nợ trung hạn và dài hạn đạt 41.300 tỷ đồng, tăng 5,15% so với thời điểm kết thúc năm 2022.

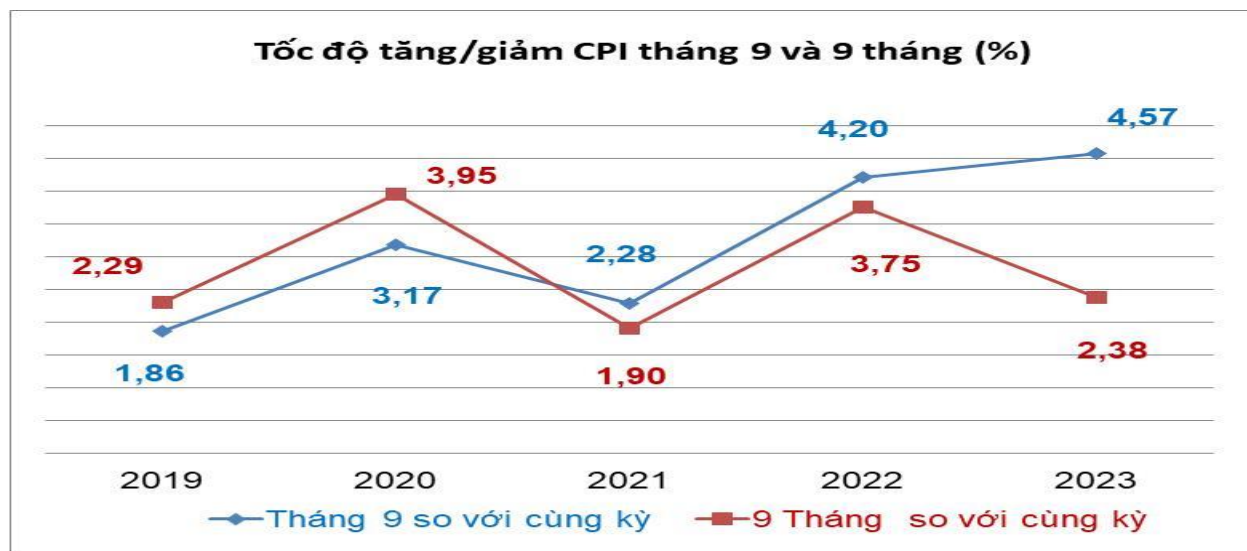
Tính đến 30/9/2023, tỷ lệ nợ xấu của các tổ chức tín dụng chiếm 0,74% trong tổng dư nợ và tăng 209,41% so với thời điểm kết thúc năm 2022.

<sup>(2)</sup> Nguồn: Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

### 3.3. Giá cả thị trường

#### 3.3.1. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2023 tăng 2,26% so với tháng trước, nguyên nhân chính do giá lương thực, gas, nhiên liệu, học phí trong tháng tăng. So với tháng 12/2022, chỉ số giá (CPI) tăng 4,01%; so với cùng kỳ năm trước tăng 4,57%. Bình quân 9 tháng đầu năm 2023, chỉ số giá (CPI) tăng 2,38% so với cùng kỳ.



So với tháng cùng kỳ, có 10/11 nhóm hàng hóa có chỉ số giá tăng từ 0,58% (nhóm thuốc và dịch vụ y tế, do chi phí nguyên vật liệu sản xuất và chi phí vận chuyển tăng đã tác động làm tăng giá dụng cụ y tế và thuốc chữa bệnh) đến 28,05% (nhóm giáo dục, do điều chỉnh tăng học phí ở các cấp học); riêng nhóm bưu chính viễn thông chỉ số giá giảm 0,31% so với cùng kỳ. Bình quân 9 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ, có 09/11 nhóm hàng hóa chỉ số giá tăng từ 0,55% đến 7,19% và 02/11 nhóm hàng hóa có chỉ số giá giảm (nhóm giáo dục có chỉ số giá tăng cao nhất với 7,19% và nhóm giao thông là một trong 02 nhóm có chỉ số giá giảm và là nhóm giảm nhiều nhất với 3,32%).

#### 3.3.2. Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đưa ra quyết định chính sách tiền tệ giữ lãi suất duy trì ở mức cao trong khoảng 5,25% đến 5,5%; bên cạnh đó, các ngân hàng trung ương trên toàn cầu đưa ra một thông điệp chung về việc chu kỳ tăng lãi suất sắp kết thúc, đó là yếu tố thúc đẩy giá vàng tăng mạnh. Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, giá vàng 9999 bình quân dao động quanh mức 6.435.000 đồng/chỉ. Chỉ số giá vàng tháng 9/2023 tăng 0,54% so với tháng trước, tăng 1,89% so với cùng kỳ và lũy kế 9 tháng giảm 0,94% so với cùng kỳ.

Đồng USD trên thế giới tiếp đà tăng sau khi kết thúc cuộc họp chính sách tiền tệ tháng 9, Fed đã giữ lãi suất ổn định ở mức 5,25% -5,5%. Trên địa bàn tỉnh, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do dao động quanh mức 24.180 VND/USD. Chỉ

số giá đô la Mỹ tháng 9/2023 tăng 1,53% so với tháng trước, tăng 2,02% so với cùng kỳ và lũy kế 9 tháng tăng 1,79%.

### 3.3.3. Chỉ số giá sản xuất

*Kinh tế thế giới trải qua nhiều biến động đã tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức mới. Song nền kinh tế vẫn gặp nhiều khó khăn, phục hồi chậm, chứa nhiều rủi ro; điều này đã ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến nền kinh tế nước ta nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng. Tình hình kinh tế - xã hội trong quý III/2023 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tương đối ổn định, các đơn vị sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ dù còn gặp khó khăn về chi phí nguyên vật liệu, nhân công, nguồn cung ứng... nhưng vẫn đang nỗ lực, tìm giải pháp, xây dựng chiến lược nhằm duy trì ổn định và đổi mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh.*

Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý III năm 2023 tăng 5,77% so với cùng kỳ và tăng 6,77% so với quý trước; trong đó, chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất nông nghiệp tăng 5,87% so với cùng kỳ và tăng 6,95% so với quý trước do nhiều chủng loại nông sản như mía tươi, các mặt hàng rau lấy lá, rau lấy quả,... có giá bán của người sản xuất có xu hướng tăng so với quý trước (đối với cây hàng năm giảm 0,67% so với cùng kỳ và tăng 8,07% so với quý trước; cây lâu năm tăng 15,42% so với cùng kỳ và tăng 7,54% so với quý trước; chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi tăng 2,07% so với cùng kỳ và tăng 3,86% so với quý trước). Sản phẩm lâm nghiệp tăng 1,78% so với cùng kỳ và giảm 4,12% so với quý trước. Sản phẩm thủy sản giảm 0,48% so với cùng kỳ và giảm 0,57% so với quý trước.

### CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN QUÝ III NĂM 2023

▲▼ Tốc độ tăng/giảm so quý II năm 2023



SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP  
VÀ DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

▲ 6,95%

SẢN PHẨM LÂM NGHIỆP  
VÀ DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

▼ 4,12%

SẢN PHẨM THỦY SẢN  
KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG

▼ 0,57%

Chỉ số giá sản xuất công nghiệp quý III năm 2023 tăng 5,25% so với cùng kỳ; trong 04 nhóm sản phẩm, có 03 nhóm chỉ số giá tăng và tăng từ 0,51% (nhóm nước tự nhiên khai thác, dịch vụ quản lý và xử lý rác thải, nước thải) đến 14,98% (nhóm điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước), riêng chỉ số giá nhóm sản phẩm khai khoáng giảm 0,36% so với cùng kỳ. So với quý trước, chỉ số giá sản xuất công

nghiệp tăng 1,88%; trong đó, chỉ số giá nhóm sản phẩm khai khoáng giảm 0,19%; nhóm điện, khí đốt, nước nóng tăng cao nhất với 8,59%; nhóm sản phẩm công nghiệp chế biến chế tạo tăng 0,2% và nhóm nước tự nhiên khai thác, dịch vụ quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,03% so với quý trước.

Chỉ số giá một số nhóm nguyên nhiên vật liệu chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất quý III năm 2023 giảm 2,95% so với cùng kỳ và tăng 2,14% so với quý trước. So với cùng kỳ, có 06/07 nhóm sản phẩm có chỉ số giá tăng từ 0,78% đến 7,46% (chỉ số giá nhóm sản phẩm xây dựng tăng cao nhất với 7,46% so với cùng kỳ, do giá dịch vụ lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp nước và dịch vụ hoàn thiện công trình xây dựng tăng); riêng nhóm sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 8,29% so với cùng kỳ. So với quý trước, có 05/07 nhóm có chỉ số giá tăng từ 0,84% đến 8,66% (nhóm điện, hơi nước tăng cao nhất 8,66%, do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có Quyết định số 377/QĐ-EVN ngày 27/4/2023 về việc điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân) và 02/07 nhóm có chỉ số giá giảm, nhóm sản phẩm ngành khai khoáng giảm 1,1%, nhóm dịch vụ chuyên môn, khoa học công nghệ giảm 1,65% so với quý trước.

Chỉ số giá dịch vụ quý III năm 2023 tăng 4,7% so với cùng kỳ và tăng 1,53% so với quý trước. So với quý cùng kỳ, chỉ số giá các nhóm dịch vụ đa số đều tăng, mức tăng dao động từ 0,12% đến 10,73%; một số nhóm có chỉ số giá tăng cao như nhóm dịch vụ kinh doanh bất động sản tăng cao nhất 10,73%, do giá cho thuê nhà ở tăng cao; nhóm vận tải kho bãi tăng 10,6% so với cùng kỳ. So với quý trước, có 11/12 nhóm có chỉ số giá tăng từ 0,01% đến 4,63%; riêng chỉ số giá nhóm dịch vụ hành chính và hỗ trợ giảm 0,03% so với quý trước.

#### **4. Hoạt động đầu tư**

*Để thực hiện hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; ngay từ đầu năm tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh triển khai thực hiện Chỉ thị của Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. Trong đó: Tập trung đầu tư công, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh và quản trị hiệu quả kinh doanh của các thành phần kinh tế. Nhìn chung, đối với lĩnh vực đầu tư xây dựng, ngay từ đầu năm tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương triển khai sớm các công trình, dự án theo kế hoạch 2023 và hoàn thiện đưa vào sử dụng các công trình chuyển tiếp năm 2022; kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện các công trình, dự án nhất là công trình trọng điểm của tỉnh.*

Trong quý 3 năm 2023 Lâm Đồng tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; trong đó các doanh nghiệp và hộ dân cư chú trọng đầu tư vào hoạt động xây dựng, nâng cao năng lực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt trong hoạt động đầu tư xây dựng các công trình thuộc vốn ngân sách Nhà nước cũng được quan tâm

đẩy nhanh tiến độ; hoàn thành các dự án đã và đang thực hiện cũng như các dự án đã được cấp phép xây dựng mới trong năm 2023.

### Tổng vốn đầu tư thực hiện quý 3/2023 (phân theo nguồn vốn)

	Dự tính quý 3/2023 (Triệu đồng)	Quý 3/2023 so với quý 3/2022 (%)	Cơ cấu (%)
<b>Tổng số</b>	<b>10.129.487</b>	<b>117,14</b>	<b>100,00</b>
I. Vốn nhà nước	2.690.215	113,21	26,56
Tr đó: - Vốn Trung ương quản lý	331.193	183,55	3,27
- Vốn địa phương quản lý	2.359.022	107,43	23,29
II. Vốn ngoài nhà nước	7.369.379	118,66	72,75
III. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	69.893	115,27	0,69

Tình hình thực hiện vốn đầu tư quý 3 năm 2023 trên địa bàn tỉnh ước đạt 10.129,5 tỷ đồng, tăng 17,14% so với cùng kỳ. Trong đó: vốn Nhà nước tăng 13,21%; vốn đầu tư ngoài nhà nước tăng 18,66%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 15,27%. Cụ thể:

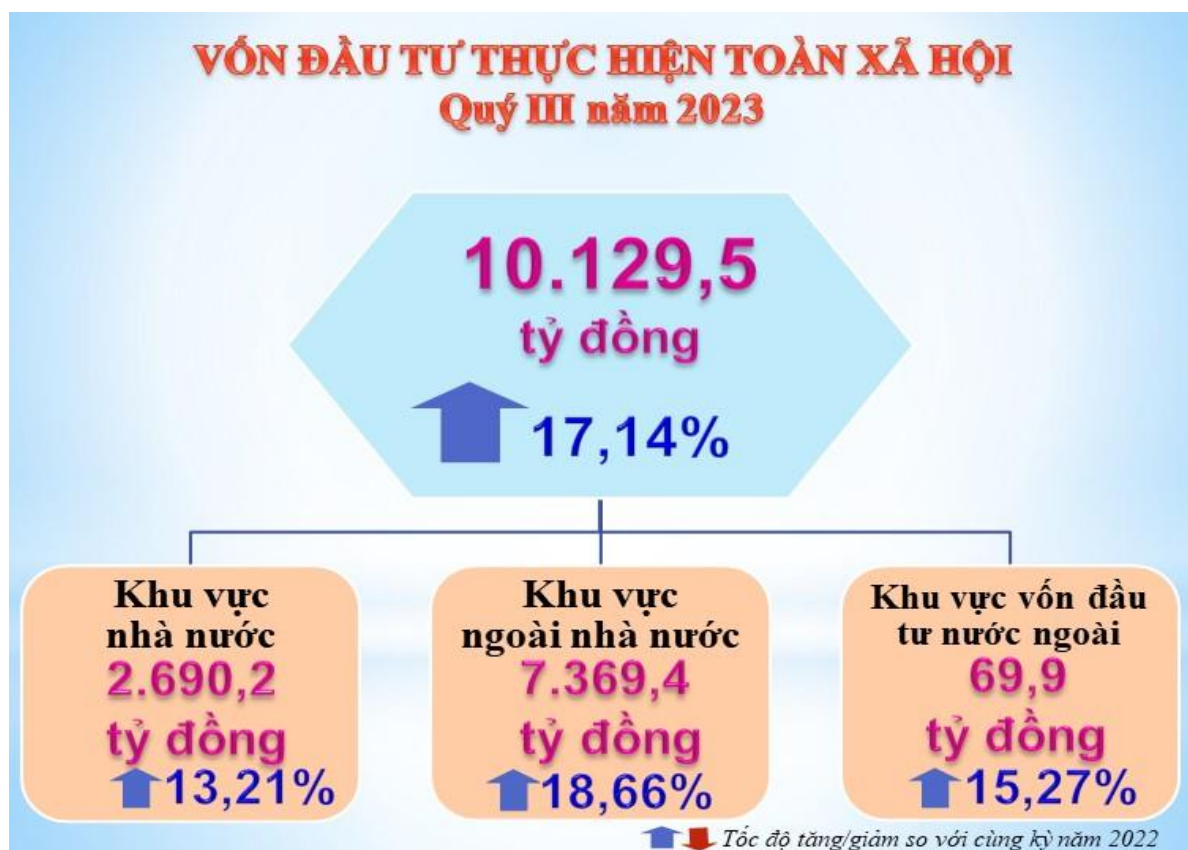
- Nguồn vốn nhà nước trên địa bàn ước đạt 2.690,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 26,56% trong tổng vốn, tăng 13,21% so với cùng kỳ. Trong đó: nguồn vốn nhà nước do Trung ương quản lý đạt 331,2 tỷ đồng; nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 2.359 tỷ đồng, tăng 7,43% so với cùng kỳ, chủ yếu triển khai hoàn thiện và đưa vào sử dụng các công trình xây dựng cơ bản, đặc biệt là các công trình trọng điểm của tỉnh, công trình thực hiện theo chương trình nông thôn mới.

- Nguồn vốn đầu tư thực hiện thuộc khu vực ngoài nhà nước đạt 7.369,4 tỷ đồng, tăng 18,66% so với cùng kỳ và chiếm 72,75% trong tổng vốn. Trong đó: vốn đầu tư của doanh nghiệp đạt 1.711,3 tỷ đồng, tăng 2,85% so với cùng kỳ; vốn đầu tư của các hộ gia đình đạt 5.658,1 tỷ đồng, tăng 24,45% chủ yếu đầu tư của khu vực hộ dân cư trong xây dựng, sửa chữa nhà ở cũng như đầu tư cho sản xuất kinh doanh như đầu tư tái canh cây cà phê, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, đầu tư mở rộng quy mô ngành thương mại, vận tải cá thể...

- Nguồn vốn đầu tư thực hiện thuộc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 69,9 tỷ đồng, tăng 15,27% so với cùng kỳ, chỉ chiếm 0,69% trong tổng vốn, chủ yếu thực hiện các khoản mục đầu tư mua sắm máy móc thiết bị không qua xây dựng cơ bản, bổ sung vốn lưu động và sửa chữa nâng cấp tài sản cố định... của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Mặc dù vốn đầu tư có tăng so với cùng kỳ nhưng



quy mô còn nhỏ, nguyên nhân một số hạn chế đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài trong quý 3/2023 đó là thiếu đơn đặt hàng, các chuỗi cung ứng bị gián đoạn, đứt gãy cục bộ, nhiều đơn hàng xuất khẩu giảm mạnh. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tỉnh Lâm Đồng tập trung chủ yếu các doanh nghiệp hoạt động trong ngành chế biến nông sản xuất khẩu. Đi đôi với khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ nên cũng hạn chế trong đầu tư xây dựng và mở rộng sản xuất trong quý 3/2023.



Dự ước vốn đầu tư thực hiện 9 tháng năm 2023 đạt 23.943,3 tỷ đồng, tăng 10,22% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

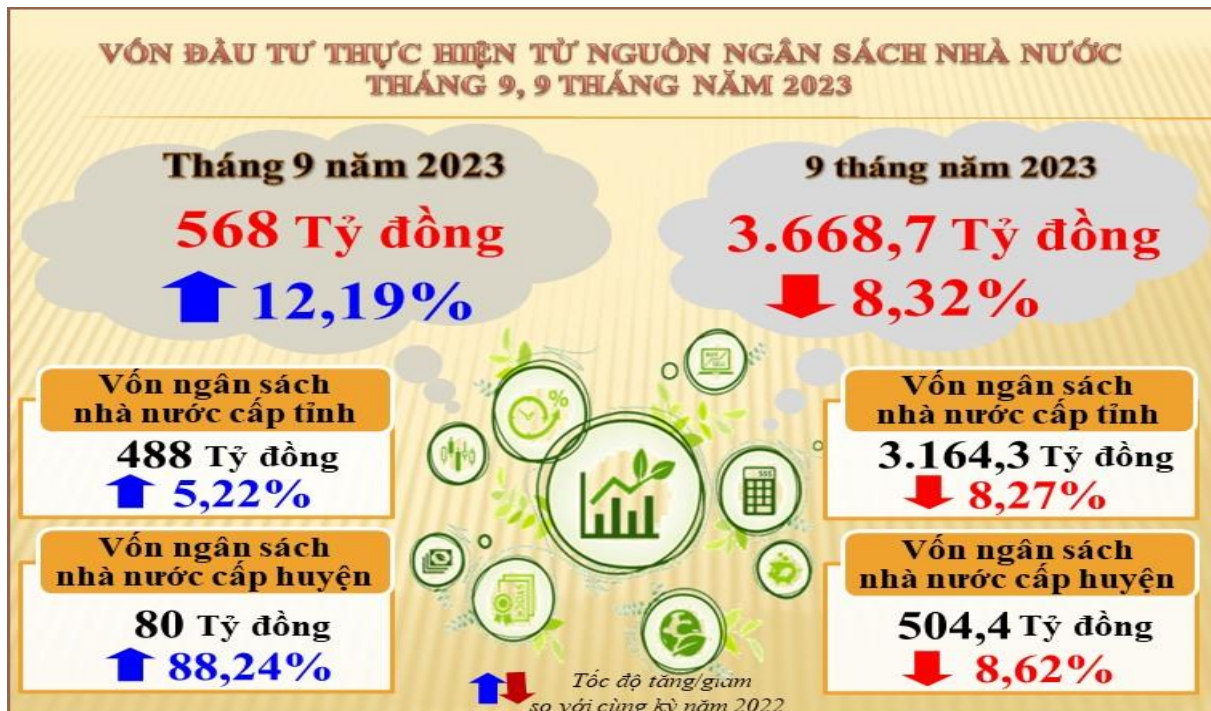
- Nguồn vốn nhà nước trên địa bàn ước đạt 5.707,3 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 23,84% trong tổng vốn, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: nguồn vốn nhà nước do Trung ương quản lý đạt 809,9 tỷ đồng, tăng 31,7% so với cùng kỳ; nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 4.897,4 tỷ đồng, giảm 2,21% so với cùng kỳ năm 2022.

- Nguồn vốn đầu tư thực hiện thuộc khu vực ngoài nhà nước đạt 18.073,5 tỷ đồng, tăng 13,09% so với cùng kỳ và chiếm 75,48% trong tổng vốn. Trong đó: vốn đầu tư của doanh nghiệp đạt 4.421,1 tỷ đồng, tăng 4,73% so với cùng kỳ và vốn đầu tư của các hộ gia đình đạt 13.652,4 tỷ đồng, tăng 16,08% so với cùng kỳ.

- Nguồn vốn đầu tư thực hiện thuộc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 162,5 tỷ đồng, tăng 37,42% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 0,68% trong tổng vốn.

## Tổng vốn đầu tư thực hiện 9 tháng năm 2023 (phân theo nguồn vốn)

	Dự tính 9 tháng năm 2023 (Triệu đồng)	So sánh 9 tháng/2023 với cùng kỳ năm 2022 (%)	Cơ cấu (%)
<b>Tổng số</b>	<b>23.943.267</b>	<b>110,22</b>	<b>100,00</b>
I. Vốn nhà nước	5.707.339	101,50	23,84
<i>Tr đó: Vốn Trung ương quản lý</i>	809.898	131,70	3,38
<i>Vốn địa phương quản lý</i>	4.897.441	97,79	20,45
II. Vốn ngoài nhà nước	18.073.449	113,09	75,48
III. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	162.479	137,42	0,68



Tính đến tháng 9/2023, trên địa bàn tỉnh có 626 công trình xây dựng cơ bản tiếp tục triển khai, trong đó một số công trình lớn trên các địa bàn như: nâng cấp mở rộng đèo Prenn, cải tạo nâng cấp Trung tâm hành chính thành phố Đà Lạt; đầu tư các trường Tiểu học và THCS đạt chuẩn thành phố Bảo Lộc; xây dựng đường nội thị thuộc quy hoạch chung thị trấn Bằng Lãng (giai đoạn 1), đường liên xã từ xã Rô Men đi xã Liêng Srônh huyện Đam Rông; đường giao thông từ xã Phi Tô huyện Lâm Hà đi xã Lát huyện Lạc Dương, đường giao thông nông thôn liên xã từ xã Đan Phượng đi xã Tân Thành (huyện Đức Trọng) huyện Lâm Hà; nâng cấp, mở rộng đường ĐH.11 (đoạn từ trung tâm xã Quảng Lập đến trung tâm xã Pró) huyện Đơn

Dương; đầu tư một số hạng mục để đạt chuẩn quốc gia tại 02 trường THCS Lê Hồng Phong và Trần Phú huyện Đức Trọng; nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Minh Rồng đi xã Lộc Quảng, nâng cấp đường nội thị thị trấn Lộc Thắng huyện Bảo Lâm; xây dựng trụ sở làm việc UBND thị trấn Madaguôi huyện Đa Huoai; đường giao thông đi từ đường ĐT 725 vào đường liên xã Quốc Oai – Mỹ Đức – Quảng Trị, nâng cấp đường từ ĐT 721 đi vào khu dân cư tập trung tổ dân phố 3A, 3B huyện Đa Tịch; nâng cấp đường Tiên Hoàng – Đồng Nai Thượng, đường nội bộ thị trấn Cát Tiên, đường vành đai ven sông Đồng Nai huyện Cát Tiên...

### **5. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp <sup>(3)</sup>**

*Đăng ký kinh doanh:* Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong tháng 9/2023 có 40 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 265 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm trước giảm 36,5% về số doanh nghiệp và giảm 72,2% về vốn đăng ký. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, có 997 doanh nghiệp thành lập mới, với số vốn đăng ký 7.418,1 tỷ đồng, so với cùng kỳ giảm 10,1% về số doanh nghiệp và giảm 47,7% về vốn đăng ký.

*Tạm ngừng kinh doanh, giải thể, hoạt động trở lại:* Trong tháng 9/2023 có 28 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tăng 211,1%; số doanh nghiệp giải thể 10 doanh nghiệp, giảm 33,3%; có 7 doanh nghiệp hoạt động trở lại, giảm 36,4% so với cùng kỳ. Lũy kế trong 9 tháng đầu năm 2023, số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động 554 doanh nghiệp, tăng 18,6%; 174 doanh nghiệp giải thể, tăng 1,2%; 248 doanh nghiệp hoạt động trở lại, giảm 14,5% so với cùng kỳ.

*Tình hình thu hút đầu tư:* Trong 9 tháng đầu năm 2023 đã cấp quyết định chủ trương đầu tư cho 8 dự án sử dụng vốn đầu tư trong nước với số vốn đăng ký đầu tư 643,61 tỷ đồng, diện tích sử dụng đất 57,81 ha. Có 35 dự án được điều chỉnh nội dung dự án đầu tư, với số vốn đăng ký điều chỉnh tăng 128,07 tỷ đồng, diện tích sử dụng đất tăng 29,41 ha, trong đó: điều chỉnh 09 dự án trong khu công nghiệp (có 02 dự án FDI), 26 dự án ngoài khu công nghiệp (có 05 dự án FDI); có 05 dự án bị thu hồi, chấm dứt hoạt động đầu tư với số vốn đăng ký đầu tư 1.226,35 tỷ đồng, diện tích đất thu hồi 175,58 ha.

#### **\* Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo:**

Nhận định xu hướng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong quý III năm 2023 so quý II năm 2023 không khả quan khi có chỉ số cân bằng (CSCB) -16,39%; trong đó: trong đó: chỉ số khó khăn chủ yếu tập trung ở doanh nghiệp ngoài nhà nước có CSCB -24%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có CSCB +20%.

<sup>(3)</sup> Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng.

Chia theo ngành kinh tế: ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác có CSCB -75%; các ngành sản xuất trang phục; ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ; ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế có CSCB -50%; ngành chế biến thực phẩm có CSCB -30,77%; ngành dệt có CSCB -12,5%; ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy và ngành sản xuất kim loại có CSCB +100%; ngành sản xuất thuốc có CSCB +50%; ngành sản xuất đồ uống có CSCB +33,33%; ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn có CSCB +16,67%;

Trong quý tiếp theo (quý IV năm 2023 so với quý trước), hầu hết các doanh nghiệp nhận định môi trường kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn; tuy nhiên quý IV có CSCB -6,56% thuận lợi hơn quý III có CSCB -16,39%. Doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất đồ uống, sản xuất giấy, in, sản xuất hóa chất, sản xuất thuốc, sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic, sản xuất kim loại có CSCB > 0 với nhận định nền kinh tế dần ổn định, thị trường trong nước và quốc tế có nhiều thay đổi theo hướng dần giảm bớt khó khăn, đồng nghĩa với thuận lợi ngày càng tăng giúp các doanh nghiệp lạc quan hơn, đầu tư hơn và kỳ vọng sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn trong thời gian tới. Chỉ số cân bằng chia theo ngành kinh tế: các ngành sản xuất trang phục; ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế có CSCB -50%; ngành sản xuất chế biến thực phẩm có CSCB -30,77%; ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ có CSCB -37,5%; ngành dệt có CSCB -25%; và ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn có CSCB -16,67%; các ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; ngành in; ngành sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; ngành sản xuất thuốc; ngành sản xuất kim loại có CSCB +100; ngành sản xuất đồ uống có CSCB +66,67%; ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic có CSCB +33,33%.

## **6. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

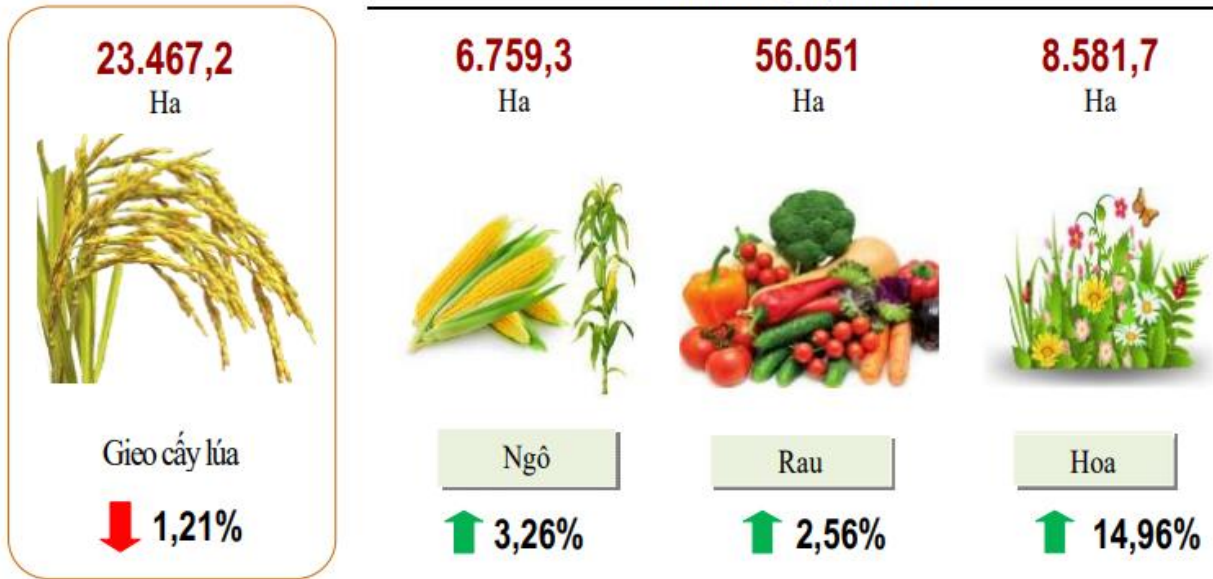
### **6.1. Sản xuất nông nghiệp**

*Trong 9 tháng đầu năm 2023, hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tập trung thu hoạch cây trồng vụ Đông Xuân và Hè Thu; chăm sóc, gieo trồng vụ Mùa; tiếp tục trồng mới, tái canh cải tạo, tưới tiêu chăm sóc cây lâu năm; triển khai công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi. Hoạt động sản xuất lâm nghiệp tập trung chủ yếu trồng cây lâm nghiệp; chăm sóc rừng trồng... Đánh giá an toàn hồ đập trước mùa mưa; đồng thời tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm nông lâm sản và thủy sản. Kết quả đạt được trong từng lĩnh vực như sau:*

Tổng diện tích gieo trồng ước đạt 381.901,1 ha, tăng 1,17% so với cùng kỳ, Trong đó, diện tích cây hàng năm 112.835,3 ha, chiếm 29,55%, tăng 1,82%. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 112.420,2 tấn, tăng 0,83% so với cùng kỳ.

**TRỒNG TRỌT**  
**(9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ)**

Gieo trồng cây hoa màu



*Cây lúa:* gieo trồng 23.467,2 ha, giảm 1,21% so với cùng kỳ (trong đó: lúa Đông Xuân thực hiện 8.797,9 ha, giảm 2,82%; lúa Hè Thu ước 5.324,3 ha, giảm 2,06%; vụ Mùa ước 9.345 ha, tăng 0,86%). Năng suất lúa bình quân chung ước đạt 56,8 tạ/ha, giảm 0,13%; sản lượng đạt 80.210,1 tấn, giảm 2,68% so với cùng kỳ.

*Cây ngô:* gieo trồng 6.759,3 ha, tăng 3,26% so với cùng kỳ; ước năng suất bình quân đạt 58,95 tạ/ha, tăng 5,13%; sản lượng ước đạt 32.210 tấn, tăng 10,76%.

*Cây rau các loại:* gieo trồng 56.051 ha, tăng 2,56% so với cùng kỳ (trong đó, rau vụ Đông Xuân thực hiện 20.922,5 ha, chiếm 37,33%, tăng 2,76%; vụ Hè Thu ước thực hiện 24.278,5 ha, chiếm 43,32%, tăng 1,89% so cùng kỳ năm trước). Năng suất bình quân ước đạt 362,53 tạ/ha, giảm 0,05%; sản lượng đạt 1.638.661 tấn, tăng 2,33% so với cùng kỳ.

*Hoa các loại:* diện tích hoa toàn tỉnh gieo trồng được 8.581,7 ha, tăng 14,96% so với cùng kỳ (trong đó: thành phố Đà Lạt 4.683 ha, chiếm 63,87%; Lạc Dương 1.019 ha, chiếm 13,9%, Đức Trọng 723 ha, chiếm 9,86%; Đơn Dương 408 ha, chiếm 5,57%, Lâm Hà 270 ha, chiếm 3,68%). Sản lượng ước đạt 2.545,6 triệu bông/cành, tăng 22,49% so với cùng kỳ. Đối với cây hoa luôn là thế mạnh của tỉnh Lâm Đồng nói chung và thành phố Đà Lạt nói riêng, tận dụng lợi thế đó cùng với nhu cầu tiêu dùng ngày càng nhiều, bên cạnh đó giá tiêu thụ tương đối ổn định nên bà con nông dân chuyển hướng sang đầu tư về chất lượng một số loại hoa có giá trị kinh tế cao như hoa ly, hoa hồng, hoa cúc vạn thọ...

## Kết quả sản xuất một số cây lâu năm

	Thực hiện 9 tháng năm 2022 (Ha)	Thực hiện 9 tháng năm 2023 (Ha)	9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)
<b>Tổng diện tích</b>	<b>266.674,0</b>	<b>269.065,8</b>	<b>100,90</b>
<i>Trong đó:</i>			
Cây ăn quả	36.664,1	41.782,1	113,96
Điều	20.627,4	18.730,5	90,80
Hồ tiêu	2.212,7	2.265,6	102,39
Cao su	9.280,0	8.879,5	95,68
Cà phê	176.701,1	176.815,7	100,06
Chè	10.645,8	10.017,5	94,10
Dâu tằm	9.897,8	9.850,0	99,52
<b>Sản lượng thu hoạch (Tấn)</b>			
Điều	15.961,8	15.115,0	94,69
Chè	94.565,0	93.241,0	98,60
Cao su	7.279,1	7.555,7	103,80
Hồ tiêu	7.242,3	7.430,3	102,60
Dâu tằm	205.360,8	219.325,4	106,80

*Cây lâu năm:* Đa dạng về chủng loại, ước tính 9 tháng năm 2023 diện tích hiện có 269.065,8 ha, tăng 0,9% so với cùng kỳ. Cây cà phê là cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, với diện tích hiện có 176.815,7 ha, tăng 0,06%. Tiếp đến là cây cây ăn quả với diện tích hiện có 41.782,1 ha, tăng 13,96%; cây điều diện tích hiện có 18.730,5 ha, giảm 9,2%; cây chè với diện tích 10.017,5 ha, giảm 5,9% so với cùng kỳ.

*Sản lượng thu hoạch cây lâu năm:* trong 9 tháng đầu năm 2023 một số cây đã cho sản phẩm thu hoạch như điều sản lượng ước đạt 15.115 tấn, giảm 5,31%; tiêu đạt 7.430,3 tấn, tăng 2,6%; cao su ước đạt 7.555,7 tấn, tăng 3,8%; chè sản lượng ước đạt 93.241 tấn, giảm 1,4%.

*Kết quả thực hiện chuyển đổi giống cây trồng:* Đến nay, toàn tỉnh đã chuyển đổi 16.043 ha/13.073 ha (đạt 122,72% kế hoạch); trong đó: tái canh, ghép cải tạo cà phê 6.213,2 ha (trồng tái canh 3.524,2 ha, ghép cải tạo 2.689 ha); trồng tái canh, chuyển đổi trên đất trồng điều 1.302,5 ha (trồng tái canh 66,9 ha, chuyển đổi trên đất trồng điều 1.235,6 ha); chuyển đổi cây trồng trên đất lúa 1.586,5 ha và chuyển đổi trên các cây trồng khác 6.940,8 ha.

*Tình hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:* Đến nay, toàn tỉnh có 65.821 ha/66.150 ha sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo tiêu chí mới (đạt 99,5% KH); trong đó: rau các loại 25.830 ha, hoa 3.166 ha, chè 3.559 ha, cà phê 20.400 ha, lúa CLC 5.045 ha, cây ăn quả 7.474 ha, cây dược liệu 167 ha, sản xuất nấm

20 ha và các cây trồng khác (vườn ươm, dâu tây, phúc bồn tử, ...) 366 ha. Diện tích ứng dụng nông nghiệp thông minh đạt 539,7 ha/630 ha (đạt 85,7% kế hoạch).

*Tình hình dịch bệnh và công tác phòng chống sâu bệnh trên cây trồng*<sup>(4)</sup>: Sâu bệnh hại được kiểm soát chặt chẽ, chỉ gây hại ở mức nhẹ không thiệt hại đến năng suất, sản lượng cây trồng.

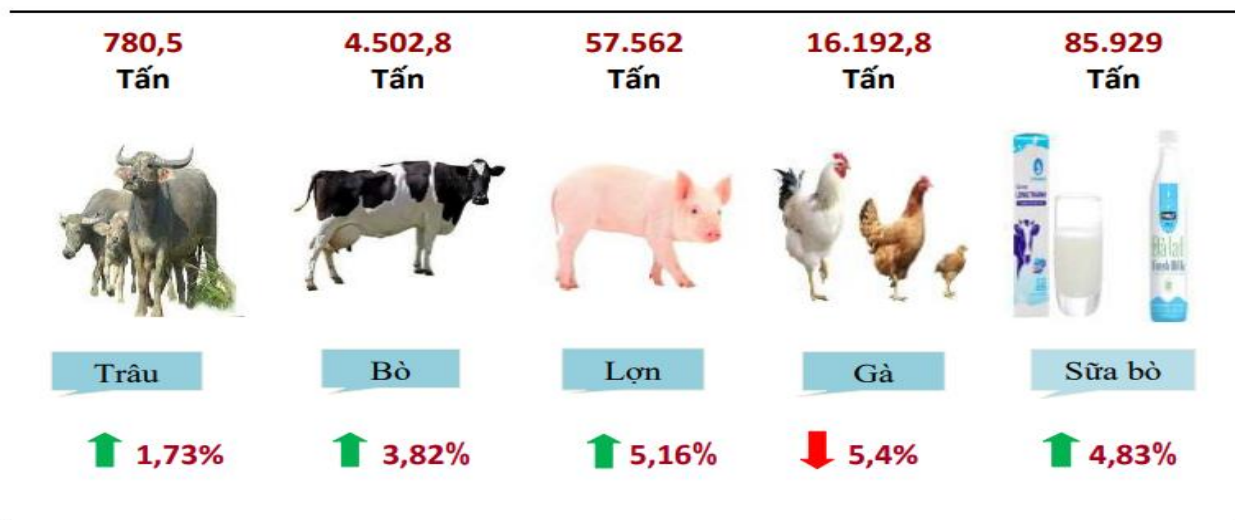
### \* Tình hình chăn nuôi

*Tổng đàn vật nuôi trong 9 tháng đầu năm 2023*: Tổng đàn trâu hiện có 14.263 con, tăng 1,76% (+247 con); tổng đàn bò hiện có 101.374 con<sup>(5)</sup>, tăng 2,22% (+2.203 con) so với cùng kỳ. Tổng số lợn là 433.669 con, tăng 0,05% (+237 con); tổng số gia cầm hiện có 5,4 triệu con, tăng 0,33% so với cùng kỳ (trong đó: đàn gà chiếm 90,08% tổng đàn gia cầm với 4.887,5 nghìn con, giảm 0,46%).

*Tổng sản lượng chăn nuôi 9 tháng đầu năm 2023*: Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng ước đạt 780,5 tấn, tăng 1,73% (+13,3 tấn); sản lượng thịt bò hơi xuất đạt 4.502,8 tấn, tăng 3,82% (+165,6 tấn); sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 57.562 tấn, tăng 5,16% (+2.824,5 tấn); sản lượng thịt gà đạt 16.192,8 tấn, giảm 5,4% (-924,3 tấn) so với cùng kỳ.

*Sản lượng, sản phẩm không qua giết mổ xuất chuồng*: Sản lượng sữa bò 9 tháng năm 2023 ước đạt 85.929 tấn, tăng 4,83% (+3.963 tấn); sản lượng trứng gà đạt 242.792,4 ngàn quả, tăng 9,08% so với cùng kỳ.

### SẢN PHẨM CHĂN NUÔI (Xuất chuồng 9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ)



<sup>(4)</sup> Các đối tượng gây hại chính gồm: Trên cà phê chè bọ xít muỗi gây hại 2.129,3 ha; trên cây sầu riêng bệnh xì mù gây hại 1.692,7 ha; trên cây dâu tằm bệnh tuyến trùng gây hại 677,3 ha; trên cây cà chua bệnh xoắn lá virus gây hại 124,1 ha; trên cây điều bọ xít muỗi gây hại 4.590,2 ha, bệnh thán thư gây hại 5.020,2 ha.

<sup>(5)</sup> Đàn bò thịt 72.036 con, tăng 0,17% (+119 con); đàn bò sữa đạt 29.338 con, tăng 19,08% (+4.700 con) so với cùng kỳ.

*Tình hình dịch bệnh và công tác phòng, chống dịch bệnh:* Các ngành chức năng đã phối hợp với các địa phương thường xuyên kiểm tra, giám sát dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các ổ dịch bệnh phát sinh. Tổng hợp báo cáo từ các địa phương và qua theo dõi, giám sát của Chi cục, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tại huyện Cát Tiên và bệnh Viêm da nổi cục tại huyện Đạ Huoai; Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xảy ra tại huyện Cát Tiên từ ngày 06/01 đến 14/01/2023 làm 172 con lợn mắc bệnh và tiêu hủy (25 lợn nái, 135 lợn thịt và con lợn con) tại 01 hộ ở thị trấn Phước Cát, với trọng lượng tiêu hủy là 10.255kg; bệnh Viêm da nổi cục xảy ra tại huyện Đạ Huoai từ ngày 21/8, đến ngày 11/9/2023, đã có 27 con bò mắc bệnh/14 hộ/7 thôn/ 03 xã (Đạ Tồn, Madaguoil, Đạ Oai), số bò mắc bệnh đã được chăm sóc, điều trị tích cực nên đã khỏe mạnh, ăn uống bình thường, không có gia súc chết do mắc bệnh.

*Công tác kiểm dịch động vật:* Kiểm dịch xuất tỉnh 9 tháng năm 2023: 980 con trâu, bò (giảm 39,5% so với cùng kỳ); 967.765 con lợn (trong đó 640.535 con lợn giống), tăng 30,8%; 23,45 triệu con gà (trong đó 22,17 triệu con gà giống), tăng 26,4%; 1,55 triệu con vịt (tăng 13,1%); 45 con dê; 46 con chó, mèo; 785.200 con thủy sản các loại; 20,8 tấn thịt các loại (tăng 4 lần), 1.420,1 tấn sản phẩm khác (giảm 13,7%); 1.053,3 tấn phế vụn tơ tằm và 7.730 tấm da bò (giảm 23,9%). Ước cả năm 2023: 1.390 con trâu bò, 1.150.500 con lợn, 29,5 triệu con gia cầm, 950.000 con thủy sản các loại, 22,5 tấn thịt các loại, 1.890 tấn sản phẩm khác, 1.080 tấn phế vụn tơ tằm, 10.500 tấm da bò. Kiểm dịch nhập tỉnh 9 tháng được 1.950 con trâu bò, 142.530 con lợn và 2,86 triệu con gia cầm. Ước năm 2023: 2.460 con trâu bò, 195.100 con lợn và 3,25 triệu con gia cầm để sản xuất.

## **6.2. Lâm nghiệp**

Một số chỉ tiêu lâm nghiệp chủ yếu 9 tháng đầu năm 2023:

*Công tác trồng 50 triệu cây xanh:* Đến nay (lũy kế tính đến ngày 10/9/2023), toàn tỉnh đã thực hiện trồng được 5.574.834 cây xanh<sup>(6)</sup> các loại (đạt 44,9% kế hoạch tỉnh giao và đạt 48,24% kế hoạch các địa phương đăng ký). Hiện nay, các địa phương đang tiếp tục thực hiện trồng cây xanh, trồng rừng năm 2023 theo chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và kế hoạch đã xây dựng.

*Trồng mới rừng tập trung:* Trong tháng 9/2023 diện tích trồng mới rừng tập trung đạt 195 ha, tăng 1,56%; lũy kế 9 tháng đạt 1.306 ha, tăng 0,23% so với cùng kỳ.

---

<sup>(6)</sup> Đà Lạt trồng được 560.617 cây, đạt 73,8%; Đam Rông trồng được 771.842, đạt 67,2%; Lâm Hà trồng được 445.100 cây, đạt 42,2%; Đức Trọng trồng được 263.437 cây, đạt 23,5; Lạc Dương trồng được 130.621 cây, đạt 12,2%; Đơn Dương trồng được 64.826, đạt 3,8%; Di Linh trồng được 755.505 cây; đạt 59,0%; Bảo Lộc trồng được 541.980 cây, đạt 60,2%; Bảo Lâm trồng được 848.349 cây; đạt 79,6%; Đạ Huoai trồng được 342.528 cây, đạt 46,5%; Đạ Tẻh 435.000, đạt 52,5% và Cát Tiên trồng được 415.484 cây, đạt 56,8%.



*Giao khoán quản lý, bảo vệ rừng:* Với tổng diện tích 456.397,2 ha. Trong đó, nguồn vốn ngân sách tỉnh 57.248,2 ha; nguồn vốn chi trả dịch vụ môi trường rừng 399.149 ha.

*Khai thác gỗ và lâm sản:* Sản lượng gỗ khai thác trong tháng 9/2023 ước đạt 5.020 m<sup>3</sup>, tăng 1,41% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023 đạt 39.910 m<sup>3</sup>, tăng 2,22% so với cùng kỳ.

*Tình hình vi phạm lâm luật:* Từ ngày 10/12/2022 đến 10/9/2023 phát hiện 162 vụ vi phạm luật Lâm nghiệp, giảm 52 vụ (giảm 24,3%); diện tích thiệt hại 13,32 ha, giảm 11,8 ha (giảm 46,97%); lâm sản thiệt hại 1.188,6 m<sup>3</sup>, tăng 12,8 m<sup>3</sup> (tăng 1,09%) so với cùng kỳ. Tổng số vụ đã xử lý 143 vụ, trong đó xử lý hành chính 128 vụ, xử lý hình sự 15 vụ, tịch thu hơn 321 m<sup>3</sup> gỗ tròn/xẻ các loại, thu nộp ngân sách hơn 1,9 tỷ đồng.

*Công tác phòng chống cháy rừng:* Tính đến ngày 12/6/2023 trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 25 vụ cháy/56,3 ha, trong đó: 01 vụ cháy rừng trồng/25,01 ha; 16 vụ cháy rừng tự nhiên/31,29 ha. Các điểm cháy đã được phát hiện kịp thời và huy động lực lượng chữa cháy dập tắt ngay.

### **6.3. Thủy sản**

*Lâm Đồng là tỉnh miền núi, hoạt động sản xuất chủ yếu là nuôi trồng và khai thác thủy sản nước ngọt, nhiều hộ tận dụng mặt nước phục vụ tưới trong sản xuất nông nghiệp để nuôi trồng nhằm cải thiện, phục vụ đời sống; đối với một số vùng thuộc huyện Đam Rông, Lạc Dương, Di Linh và TP Đà Lạt có điều kiện khí hậu và nguồn nước thuận lợi cho việc nuôi cá nước lạnh, nhiều doanh nghiệp tận dụng lợi thế đó đã mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực nuôi cá nước lạnh (chủ yếu là cá tầm).*

Diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn toàn tỉnh 2.230,64 ha, giảm 1,72% (-39 ha) so với cùng kỳ (*huyện Lâm Hà giảm 32 ha, tp Bảo Lộc 3,5 ha; Lạc Dương 3 ha...*), do hiệu quả nuôi thấp đã san lấp để chuyển sang trồng dâu nuôi tằm, trồng cây ăn trái hoặc xây nhà cửa nuôi tằm. Diện tích nuôi trồng thủy sản phổ biến là nuôi cá có 2.230,34 ha, chiếm 99,98%; còn lại là thủy sản khác chiếm tỷ trọng thấp 0,02%, hình thức nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến là chủ yếu 2.269,12 ha, chiếm 99,98%.

*Nuôi trồng thủy sản lồng bè:* Toàn tỉnh hiện có 55 cơ sở nuôi thủy sản lồng, bè trên sông, hồ (có 53 hộ gia đình và 01 doanh nghiệp, 01 HTX; số lồng, bè nuôi 457 cái, tăng 54,39%; thể tích lồng nuôi trong kỳ 45.870 m<sup>3</sup>, tăng 24,24%). Số lồng bè nuôi cá tầm 288 cái, chiếm 63,02%, thể tích lồng nuôi 34.325 m<sup>3</sup>, chiếm 74,87%; cá diêu hồng 5.340 m<sup>3</sup>, chiếm 11,64%; cá tầm, cá trắm 3.295 m<sup>3</sup>, chiếm 7,18%; cá rô phi 1.130 m<sup>3</sup>, chiếm 2,46%...

*Nuôi trồng thủy sản bể bồn:* Toàn tỉnh có 52 cơ sở nuôi thủy sản bể bồn, trong đó 07 doanh nghiệp và 45 hộ cá thể. Thể tích nuôi 205.988 m<sup>3</sup>, trong đó 178.245m<sup>3</sup> cho thu hoạch, chủ yếu là nuôi cá tầm.

*Sản xuất giống thủy sản:* Tình hình sản xuất giống tập trung phục vụ cho nuôi trồng trong tỉnh, chủ yếu là giống cá tầm 1.995 m<sup>3</sup>, chiếm 61,08%. Tổng diện tích/thể tích ương, nuôi thủy sản nội địa 3.266 m<sup>3</sup>, trong đó: hộ gia đình 2.096 m<sup>3</sup>; doanh nghiệp ngoài nhà nước 450 m<sup>3</sup>; HTX 720 m<sup>3</sup> (nuôi giống cá tầm).

*Sản lượng thủy sản:* Sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác ước tính 9 tháng đầu năm 2023 đạt 7.336,6 tấn, tăng 5,53% so với cùng kỳ. Trong đó: Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 7.123,9 tấn, chiếm 97,1% tổng sản lượng, tăng 5,7%. Trong đó: Cá tầm 1.850 tấn, chiếm 18,28%, tăng 8,63%; cá rô phi 3.325 tấn, chiếm 32,86%, tăng 7,31%; cá trắm 3.985 tấn, chiếm 39,39%, tăng 3,37%; cá chép 450 tấn, chiếm 4,45%, tăng 4,37% so với cùng kỳ.

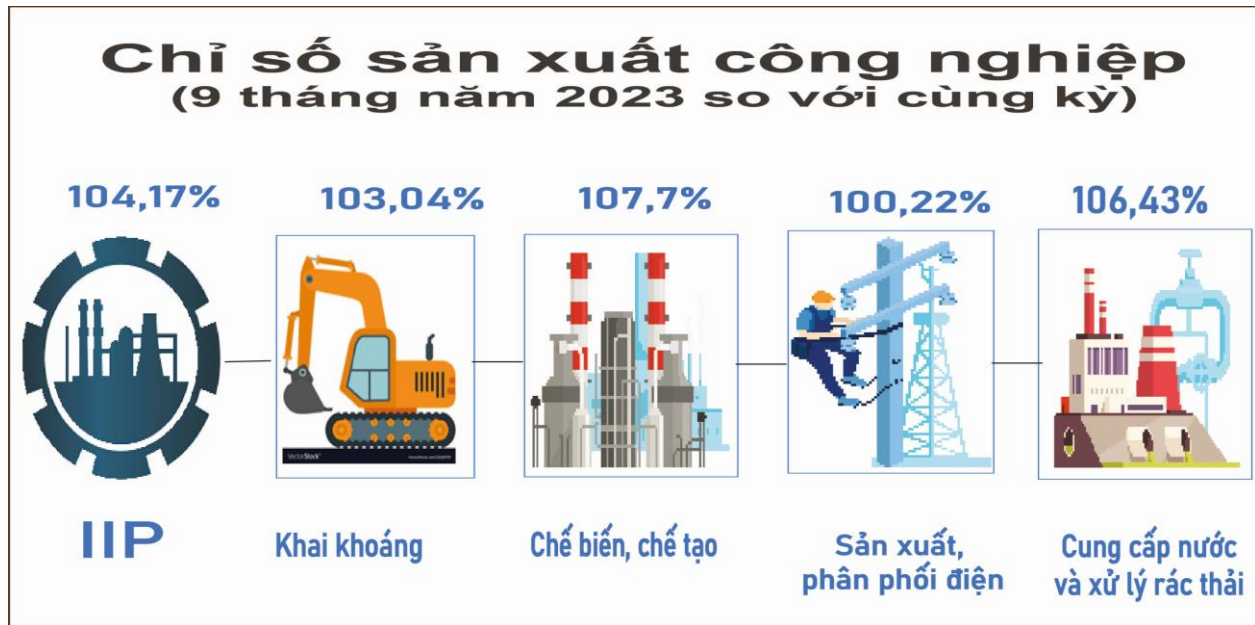
## **7. Sản xuất công nghiệp**

*Tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng:* Các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn hoạt động ổn định, đáp ứng các đơn hàng đã ký và nhu cầu tiêu dùng trong nước cũng như xuất khẩu, chủ yếu tập trung vào ngành công nghiệp khai khoáng và chế biến; bên cạnh đó ngành sản xuất và phân phối điện duy trì công suất chạy máy phát điện cung cấp cho hệ thống điện quốc gia; đồng thời đảm bảo yêu cầu an toàn cho hệ thống hồ, đập thủy điện, sản lượng điện sản xuất theo kế hoạch điều động của Trung tâm điều động điện quốc gia nên chỉ số tăng nhẹ so cùng kỳ.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 9 năm 2023 tăng 10,28% so với cùng kỳ. Trong đó, chỉ số sản xuất ngành khai khoáng tăng 12,56%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 11,93%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,07%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,95% so với cùng kỳ.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước quý III năm 2023 tăng 6,08% so với cùng kỳ. Trong đó: chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 7,03%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,87%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,46%; riêng chỉ số sản xuất ngành khai khoáng giảm 3,52%.

Một số sản phẩm chủ yếu trong quý III tăng so với cùng kỳ năm trước như: Quả và hạt ướp lạnh tăng 62,14%; rau ướp lạnh tăng 52,63%; sợi xe từ sợi tơ tằm tăng 34,45%; ôxit nhôm tăng 15,13%; phân bón NPK tăng 11,43%; chè nguyên chất, chè xanh tăng 11,35%; sợi len lông cừu tăng 10,65%; điện sản xuất tăng 6,62%; bia đóng lon tăng 5,54%. Một số sản phẩm có mức giảm so cùng kỳ: Gạch xây dựng bằng đất sét nung giảm 14,38%; bê tông trộn sẵn giảm 0,9%; đá xây dựng khác giảm 0,71%...



Tính chung 9 tháng đầu năm 2022, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 4,17% so với cùng kỳ. Trong đó: công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,7%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,43%; công nghiệp khai khoáng tăng 3,04%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 0,22%. Một số ngành có chỉ số tăng cao so với cùng kỳ: ngành sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 66,64%; ngành chế biến gỗ tăng 35,56%; ngành sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 26,07%; ngành dệt tăng 20,35%; ngành sản xuất chế biến thực phẩm tăng 10,52%. Một số ngành giảm như: ngành sản xuất thuốc hóa dược giảm 38,09%; ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 5,11%; ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 4,03%; ngành sản xuất đồ uống giảm 2,55%...

**Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng qua các năm so với cùng kỳ**  
%

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2023</b>
<b>Toàn ngành công nghiệp</b>	<b>106,17</b>	<b>108,52</b>	<b>118,23</b>	<b>104,17</b>
1. Khai khoáng	96,56	108,50	151,30	103,04
2. Chế biến, chế tạo	116,87	101,89	111,37	107,70
3. Sản xuất, phân phối điện	94,27	119,48	125,87	100,22
4. Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	106,69	98,11	109,50	106,43

Một số sản phẩm chủ yếu trong 9 tháng năm 2023 tăng so với cùng kỳ như: sản phẩm sợi xe từ sợi tơ tằm đạt 899 tấn, tăng 32%; chè nguyên chất, chè xanh đạt 12.038 tấn, tăng 29,76%; rau ướp lạnh đạt 13.377 tấn, tăng 10,69%; bôxít nhôm đạt

561,2 ngàn tấn, tăng 6,51%; nước uống được đạt 27,5 triệu m<sup>3</sup>, tăng 6,35%; cao lanh đạt 245,1 ngàn tấn, tăng 5,7%. Một số sản phẩm do mức tiêu thụ giảm, lượng hàng tồn kho lớn, nhà máy, xí nghiệp hạn chế sản xuất nên sản lượng sản xuất có mức tăng thấp hoặc giảm so cùng kỳ năm trước như: sản phẩm phân bón NPK đạt 82,4 ngàn tấn, tăng 1,35%; đá xây dựng khác đạt 2.418,7 ngàn m<sup>3</sup>, tăng 1,25%; điện sản xuất của các nhà máy trên địa bàn tỉnh đạt 6.868 triệu kwh, giảm 1,36%; bia đóng lon đạt 88,3 triệu lít, tăng 1,07%; bê tông trộn sẵn đạt 500,2 ngàn m<sup>3</sup>, giảm 0,96%; sợi len lông cừu đạt 1.523 tấn, tăng 0,07%.



\* Chỉ số tiêu thụ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 9 tháng đầu năm 2023 tăng 8,05% so với cùng kỳ, tăng chủ yếu ở các ngành: ngành sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 81,84%; ngành sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 52,25%; ngành dệt tăng 26,42%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 24,32%; ngành sản xuất kim loại tăng 13,81%; chế biến gỗ tăng 11,85%. Nhìn chung chỉ số tiêu thụ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong 9 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ là một tín hiệu tốt trong thời gian nền kinh tế nói chung và sản xuất công nghiệp nói riêng đang chịu ảnh hưởng của những biến động chưa tích cực từ tình hình kinh tế thế giới.

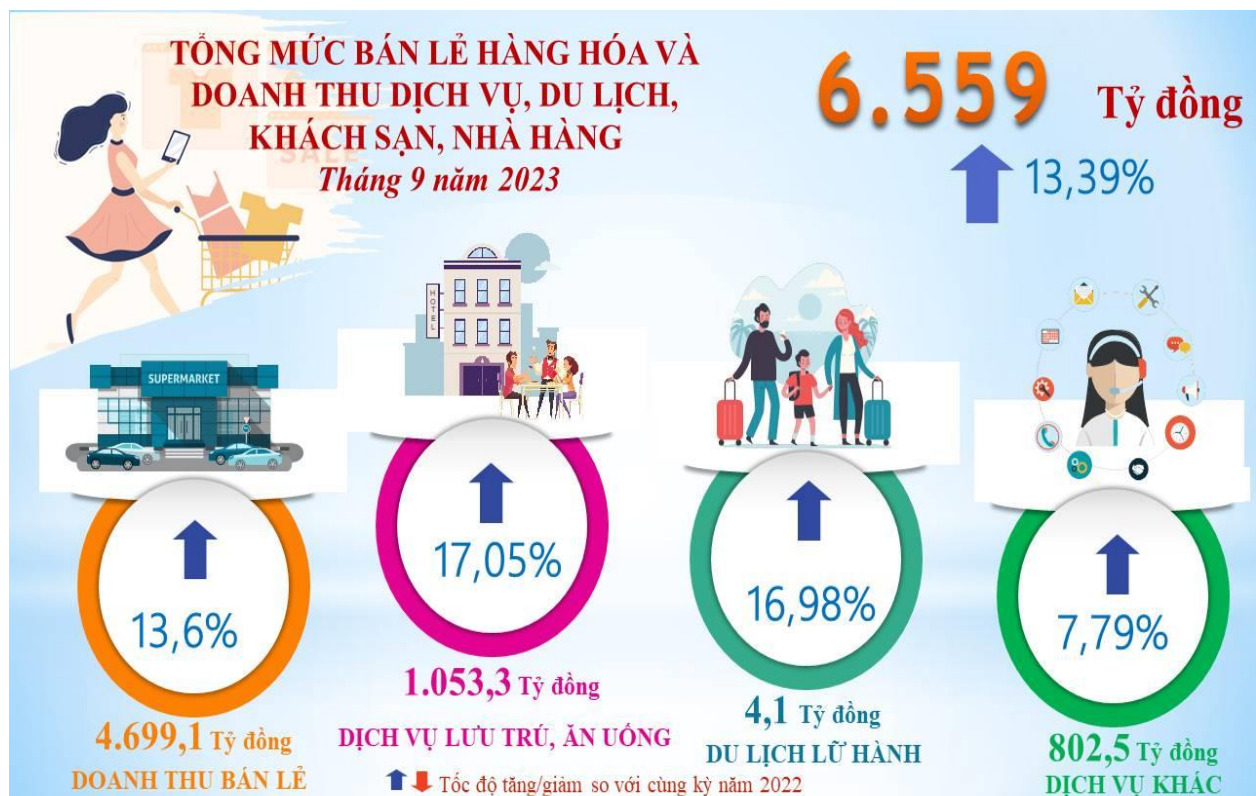
\* Chỉ số tồn kho 9 tháng năm 2023 giảm 8,15% so với cùng kỳ, chủ yếu ở các nhóm ngành: sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 70,21%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 7,26%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 55,79%. Các ngành khác có chỉ số tồn kho cao so với cùng kỳ như sản xuất khoáng phi kim loại tăng 247,83%; sản xuất chế biến gỗ tăng 83,55%; ngành dệt tăng 26,65%.

\* Trong 9 tháng đầu năm 2023, chỉ số lao động của doanh nghiệp công nghiệp tăng 2,6% so với cùng kỳ. Chia theo ngành công nghiệp: Ngành khai khoáng tăng 5,09%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,93%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,52% và ngành cung cấp nước, xử lý rác thải giảm 0,41% so với cùng kỳ. Chia theo loại hình: doanh nghiệp nhà nước giảm 0,69%; doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 5,84% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,98%.

## 8. Thương mại, dịch vụ

### 8.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ

Trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2023, tình hình kinh tế trong nước nói chung và trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nói riêng tiếp tục bị hạn chế do suy thoái toàn cầu, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên tất cả các ngành, lĩnh vực; chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh phải đối mặt với không ít các yếu tố rủi ro và thách thức mới. Tuy nhiên, với sự quyết tâm của các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục thực hiện đồng bộ, thực chất, hiệu quả, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và Chương trình hành động của UBND tỉnh, kết quả hoạt động các lĩnh vực trên địa bàn đã có nhiều chuyển biến tích cực, tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng khá.



Dự ước tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 9/2023 đạt 6.559 tỷ đồng, tăng 13,39% so với cùng kỳ (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8,43%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ quý III năm 2023 ước đạt 20.196,6 tỷ đồng, tăng 12,42% so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 9 tháng đầu năm 2023 ước đạt 58.133,1 tỷ đồng, tăng 11,66% so với cùng kỳ (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,07%). Trong đó:

*Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 9/2023* ước đạt 4.699,1 tỷ đồng, tăng 13,6% so với cùng kỳ, có 08/12 nhóm hàng hóa tăng từ 1,04% đến 35,19%; một số nhóm hàng chiếm tỷ trọng lớn như nhóm lương thực, thực phẩm đạt 1.975,7 tỷ đồng, tăng 33,36%; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng đạt 662,6 tỷ đồng, tăng 8,68% do năm nay có nhiều dự án đầu tư công có quy mô lớn và xây dựng trong dân tăng nên nhu cầu tiêu thụ sắt thép, xi măng, cát, đá... tăng so với cùng kỳ; nhóm đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình đạt 488,3 tỷ đồng, tăng 24,96%; 04/12 nhóm hàng hóa còn lại doanh thu giảm từ 3,56% đến 25,32%, trong đó nhóm ô tô các loại đạt 344,3 tỷ đồng, giảm nhiều nhất với 25,32% so với tháng cùng kỳ. Dự ước tổng mức bán lẻ hàng hóa quý III năm 2023 đạt 13.787,9 tỷ đồng, tăng 13,52% so với cùng kỳ; có 08/10 nhóm hàng hóa có doanh thu tăng từ 2,05% đến 33,28% (doanh thu nhóm lương thực, thực phẩm đạt 5.773,1 tỷ đồng, tăng nhiều nhất với 33,28%, do giá một số mặt hàng như thịt các loại, trứng gà, gạo,... tăng từ 5-10% so với cùng kỳ) và 04/12 nhóm hàng hóa có doanh thu giảm từ 2,49% đến 24,06% (doanh thu nhóm ô tô các loại đạt 1.088,1 tỷ đồng, giảm nhiều nhất trong các nhóm hàng hóa với 24,06%). Dự ước tổng mức bán lẻ hàng hóa 9 tháng đầu năm 2023 đạt 40.555,9 tỷ đồng, tăng 12,82% so với cùng kỳ; có 08/12 nhóm hàng hóa có doanh thu tăng từ 5,64%(nhóm hàng vật phẩm, văn hóa, giáo dục) đến 26,44% (nhóm gỗ và vật liệu xây dựng) và 04/12 nhóm hàng hóa có doanh thu giảm từ 0,17% đến 19,16% so với cùng kỳ.



*Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống* tháng 9/2023 ước đạt 1.053,3 tỷ đồng, tăng 17,05% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 167,9 tỷ đồng, tăng 17,16%; doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 885,4 tỷ đồng, tăng 17,03% so với cùng kỳ; tổng lượt khách do các cơ sở lưu trú phục vụ trong tháng đạt 407,9 nghìn lượt khách, tăng 14,6% so với cùng kỳ; trong đó, khách quốc tế đạt 16,5 nghìn lượt khách, tăng 42,35% so với cùng kỳ. Dự ước quý III năm 2023, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 3.901,9 tỷ đồng, tăng 11,49% so với cùng kỳ năm trước; tổng lượt khách do các cơ sở lưu trú phục vụ trong quý đạt 1.591,2 nghìn lượt khách, tăng 6,36% so với cùng kỳ. Dự ước doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 9 tháng đầu năm 2023 đạt 10.261,2 tỷ đồng, tăng 8,71% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 1.876,7 tỷ đồng, tăng 8,81%; doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 8.384,5 tỷ đồng, tăng 8,69% so với cùng kỳ; tổng lượt khách do các cơ sở lưu trú phục vụ lũy kế 9 tháng đầu năm đạt 4.572,3 nghìn lượt khách, tăng 9,4% so với cùng kỳ.

*Doanh thu du lịch lữ hành* dự ước tháng 9/2023 đạt 4,1 tỷ đồng, tăng 16,98% so với cùng kỳ; doanh thu quý III năm 2023 đạt 16 tỷ đồng, tăng 22,67% so với quý cùng kỳ và doanh thu lũy kế 9 tháng đầu năm đạt 48,1 tỷ đồng, tăng 12,48% so với cùng kỳ.

*Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác* tháng 9/2023 ước đạt 802,5 tỷ đồng, tăng 7,79% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu các nhóm dịch vụ đều tăng, trong đó nhóm dịch vụ nghệ thuật vui chơi giải trí đạt 434,3 tỷ đồng, chiếm 54,12% trong tổng doanh thu, tăng 9,06%; nhóm dịch vụ kinh doanh bất động sản đạt 128,6 tỷ đồng, tăng 4,84% so với cùng kỳ. Dự ước trong quý III năm 2023, doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt 2.490,8 tỷ đồng, tăng 7,97% so với cùng kỳ; doanh thu 07 nhóm dịch vụ đều tăng, mức tăng dao động từ 1,26% (nhóm dịch vụ kinh doanh bất động sản) đến 25,36% (nhóm dịch vụ sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình) so với cùng kỳ. Dự ước doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác 9 tháng đầu năm 2029 đạt 7.267,9 tỷ đồng, tăng 9,59% so với cùng kỳ; doanh thu 06/07 nhóm dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước (nhóm dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng nhiều nhất với 15,01%); riêng nhóm dịch vụ kinh doanh bất động sản giảm 3,12% so với cùng kỳ.

## **8.2. Tình hình xuất, nhập khẩu<sup>(7)</sup>**

*Ước thực hiện tháng 9/2023:* Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh ước đạt 77,53 triệu USD, tăng 22,77% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực doanh nghiệp trong nước ước đạt 50,43 triệu USD, tăng 30,82%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 27,14 triệu USD, tăng 10,18% so với cùng kỳ. Tổng kim ngạch nhập khẩu dự ước đạt 14,62 triệu USD, tăng 13,92% so với cùng kỳ.

<sup>(7)</sup> Nguồn: Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng.

*Ước thực hiện quý III/2023:* Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh ước đạt 230,17 triệu USD, tăng 5,98% so với cùng kỳ. Tổng kim ngạch nhập khẩu dự ước đạt 52,7 triệu USD, tăng 43,21% so với cùng kỳ.

*Ước thực hiện 9 tháng năm 2023:* Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh ước đạt 672,97 triệu USD, tăng 2,95% so với cùng kỳ và đạt 72,44% kế hoạch năm 2023. Trong đó: Khu vực doanh nghiệp trong nước ước đạt 415,87 triệu USD, tăng 5,95%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 257,1 triệu USD, giảm 1,56% so với cùng kỳ. Tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 131,62 triệu USD, tăng 13,22% so với cùng kỳ, đạt 74,36% kế hoạch năm 2023.

*Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:* Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023 mặt hàng như Alumin và hydroxit nhôm đạt 543,19 ngàn tấn, giá trị 188,67 triệu USD, tăng 12,8% so với cùng kỳ; cà phê nhân ước sản lượng đạt 69,25 ngàn tấn, giá trị đạt 154,5 triệu USD, tăng 8,88% về lượng và 19,18% về giá trị so với cùng kỳ; chè chế biến ước đạt 3,47 ngàn tấn, ước đạt giá trị 9,01 triệu USD, giảm 3,32% về lượng nhưng tăng 3,3% về giá trị so với cùng kỳ; rau quả ước đạt 42,28 ngàn tấn, đạt 65,01 triệu USD, tăng 94,89% về lượng và 43,9% về giá trị so với cùng kỳ; hạt điều nhân ước đạt 513,01 tấn, đạt 3,18 triệu USD, tăng 8,6% về lượng và giảm 3,03% giá trị so với cùng kỳ; hoa tươi các loại ước đạt 53,13 triệu USD, tăng 0,24% so với cùng kỳ và hàng dệt may ước đạt giá trị 84,72 triệu USD, giảm 21,78% so với cùng kỳ.

## **9. Hoạt động vận tải**

*Trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2023, tình hình lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ trong tỉnh thông suốt, lượng cung hàng hóa trên thị trường dồi dào, chủng loại phong phú, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn. Dự ước doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 9/2023 đạt 525,3 tỷ đồng, tăng 11,92% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu vận tải đường bộ đạt 477,1 tỷ đồng, tăng 19,07%. Dự ước doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải quý III năm 2023 đạt 1.611,1 tỷ đồng, tăng 14,7% so với cùng kỳ. Dự ước doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 9 tháng đầu năm 2023 đạt 4.543,1 tỷ đồng, tăng 28,17% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu vận tải đường bộ đạt 4.051 tỷ đồng, tăng 31,96%.*

*Doanh thu vận tải hành khách tháng 9/2023 ước đạt 169,8 tỷ đồng, tăng 6,1%; khối lượng vận chuyển đạt 1,1 triệu hành khách, tăng 1,56% và luân chuyển đạt 164,8 triệu hành khách.km, bằng 89,77% so với cùng kỳ. Doanh thu vận tải hành khách quý III năm 2023 ước đạt 528,2 tỷ đồng, tăng 16,98%; khối lượng vận chuyển đạt 3,5 triệu hành khách, tăng 13,35% và luân chuyển đạt 522,4 triệu hành khách.km, tăng 0,5% so với cùng kỳ. Dự ước doanh thu vận tải hành khách 9 tháng đầu năm 2023 đạt 1.464,4 tỷ đồng, tăng 32,97%; khối lượng vận chuyển đạt 9,8*



triệu hành khách, tăng 17,58% và luân chuyển đạt 1.464 triệu hành khách.km, tăng 13,17% so với cùng kỳ.

### Vận tải hành khách 9 tháng năm 2023 phân theo ngành vận tải

	Số lượt hành khách		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu HK)	Luân chuyển (Triệu HK.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
<b>Tổng số</b>	<b>9,8</b>	<b>1.464,0</b>	<b>+17,58</b>	<b>+13,17</b>
Đường bộ	9,7	1.463,5	+17,51	+13,16
Đường thủy nội địa	...	0,5	+33,62	+34,65

*Doanh thu vận tải hàng hoá* tháng 9/2023 ước đạt 307,5 tỷ đồng, tăng 27,66%; khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt 0,8 triệu tấn, tăng 21,53% và luân chuyển đạt 165,8 triệu tấn.km, tăng 20,35% so với cùng kỳ. *Doanh thu vận tải hàng hoá quý III năm 2023* ước đạt 930,5 tỷ đồng, tăng 21,1%; khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt 2,4 triệu tấn, tăng 17,7% và luân chuyển đạt 512,9 triệu tấn.km, tăng 19,2% so với cùng kỳ. *Dự ước doanh thu vận tải hàng hoá 9 tháng đầu năm 2023* đạt hơn 2.588,9 tỷ đồng, tăng 31,22%; khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt 6,7 triệu tấn, tăng 27,3% và luân chuyển đạt 1.408,7 triệu tấn.km, tăng 26,42% so với cùng kỳ.

### Vận tải hàng hóa 9 tháng đầu năm 2023 phân theo ngành vận tải

	Sản lượng hàng hóa		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu tấn)	Luân chuyển (Triệu tấn.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
<b>Tổng số</b>	<b>6,7</b>	<b>1.408,7</b>	<b>+27,30</b>	<b>+26,42</b>
Đường bộ	6,7	1.408,7	+27,30	+26,42

## 10. Các vấn đề xã hội

### 10.1. Thực trạng đời sống cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng lương

*Tình hình đời sống cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, người lao động:* Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng lương trên địa bàn có cuộc sống ổn định. Những người làm công ăn lương, lao động làm thuê trong các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất thuộc ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản thu nhập và đời sống ổn định như trước khi xảy ra dịch Covid- 19.

*Tình hình đời sống nông dân tại địa phương:* Lâm Đồng là một tỉnh có sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng khá lớn, là nơi thu hút phần lớn lực lượng lao động

của tỉnh, cũng là nơi giải quyết những bức xúc về việc làm như hiện nay. Kết quả sản xuất nông nghiệp 9 tháng đầu năm 2023 nhìn chung vẫn duy trì, phát triển, sản lượng cây trồng tăng, giá cả và nhu cầu thị trường tăng cao đóng góp lớn về giải quyết việc làm, thu nhập cao cho người lao động, đặc biệt là thu hoạch vụ mùa cà phê và những vùng trồng rau, hoa...

## **10.2. Tình hình chung về việc làm của người lao động**

*Quy mô lực lượng lao động:* Dự ước vào thời điểm 30/9/2023, tỉnh Lâm Đồng có khoảng 799.835 người từ 15 tuổi trở lên thuộc lực lượng lao động bao gồm: 795.520 người có việc làm (tăng 5.789 người so cùng kỳ và tăng 1.489 người so với 30/6/2023) và số người thất nghiệp là 4.315 người. Trong tổng số lực lượng lao động của tỉnh, nữ giới chiếm tỷ trọng thấp hơn nam giới (47,83% nữ giới so với 52,17% nam giới). Quý III năm 2023, thực trạng lao động việc làm của tỉnh Lâm Đồng có nhiều thuận lợi, đặc biệt là đối với ngành dịch vụ đang phục hồi nhanh, UBND tỉnh Lâm Đồng tiếp tục thực hiện các chính sách nhằm thu hút lao động tại khu vực này bằng các giải pháp thúc đẩy các chương trình giới thiệu việc làm và các giải pháp kích cầu du lịch đến với tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên trong năm nay do tình hình thời tiết diễn biến thất thường, có những thời điểm mưa gió lớn gây ra tình hình sạt lở nghiêm trọng xảy ra tại các địa bàn của tỉnh nên lượng khách du lịch đến với Lâm Đồng có những thời điểm trong năm khá ít, dẫn đến lao động phục vụ cho lĩnh vực này cũng có những thời điểm dao động. Đối với sản xuất nông nghiệp việc làm nhìn chung ổn định, nhất là sản xuất rau, hoa,... giá ổn định tăng, đã tạo cơ hội cho sản xuất và việc làm cho khá nhiều lao động.

*Cơ cấu lao động có việc làm:* Dự ước đến 30/9/2023 tỷ trọng lực lượng lao động ở Khu vực I (Nông, lâm nghiệp và thủy sản) và khu vực III (Dịch vụ) có tỷ trọng lao động chiếm chủ yếu trong tổng số lao động của cả nền kinh tế, trong đó khu vực “Nông, lâm nghiệp và thủy sản” giải quyết việc làm nhiều nhất, sử dụng gần hai phần ba lao động làm việc của toàn tỉnh, chiếm 64,57%; khu vực “Công nghiệp và xây dựng” chiếm 9,16% và khu vực “Dịch vụ” chiếm 26,27%.

*Quy mô và tỷ lệ người thiếu việc làm, thất nghiệp trong độ tuổi lao động:* Tại thời điểm 30/9/2023 toàn tỉnh Lâm Đồng có 10.186 người thiếu việc làm (tỷ lệ thiếu việc làm là 1,28%), trong đó khu vực nông thôn có 2.802 người (tỷ lệ là 0,56%), còn khu vực thành thị có 7.384 người thiếu việc làm, tương ứng tỷ lệ thiếu việc làm là 2,47%; qua số lượng người thiếu việc làm cho thấy nhu cầu làm thêm giờ hiện nay đã giảm. Với chính sách tiền lương của Nhà nước trong tháng 7/2023 bắt đầu tăng lương cho những đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước, nên cũng góp phần làm giảm nhu cầu làm thêm giờ từ những lao động của thành phần kinh tế này. Nhìn chung quý III/2023 thị trường lao động tỉnh Lâm Đồng tiếp tục duy trì đà phục hồi và có nhiều mặt khởi sắc.

Tỷ lệ thất nghiệp tại thời điểm 30/9/2023 là 0,54%, tương đương với 4.315 người thất nghiệp, trong đó tỷ lệ thất nghiệp thành thị là 1,01%, tương đương với 3.050 người, khu vực nông thôn có 1.265 người thất nghiệp, tỷ lệ thất nghiệp là 0,25%. Hiện số người đủ điều kiện đang được hưởng chi trả bảo hiểm thất nghiệp là 2.915 người, còn lại thất nghiệp thuộc lực lượng lao động trẻ và thất nghiệp tiềm tàng có 1.400 người.

Nhìn chung tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm tại thời điểm 30/9/2023 so với cùng kỳ 30/9/2022 đã giảm nhanh, điều này đã nói lên nền kinh tế của Lâm Đồng đang phục hồi tích cực, tuy nhiên số người thiếu việc làm vẫn còn ở mức cao, qua đó các cấp, các ngành cần quan tâm, triển khai các chương trình kích cầu, thúc đẩy thị trường nội địa, tổ chức liên kết các nhà cung cấp dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, góp phần giảm thiểu về thiệt hại về kinh tế, an sinh xã hội, tạo việc làm và thu nhập của mọi người dân và trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó các chính sách an sinh xã hội cũng cần được chú trọng như: chi hỗ trợ cho các đối tượng thu nhập thấp, tạo việc làm mới, quan tâm đầu tư lớn đến những vùng đặc biệt khó khăn, hộ nghèo và hộ cận nghèo và hỗ trợ nông dân...

### **10.3. An sinh xã hội**

Theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đến cuối năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, toàn tỉnh có 6.636 hộ, chiếm tỷ lệ 1,94% số hộ toàn tỉnh, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số có 4.549 hộ, tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số là 5,65%. Hộ cận nghèo toàn tỉnh có 11.601 hộ, chiếm tỷ lệ 3,40%, trong đó hộ cận nghèo đồng bào dân tộc thiểu số là 6.905 hộ, tỷ lệ hộ cận nghèo dân tộc thiểu số còn 8,57%.

Kết quả hỗ trợ đột xuất về các chính sách an sinh xã hội 9 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cho các đối tượng như sau: Đối với người có công và thân nhân người có công với cách mạng có 23.550 người đã nhận tiền mặt và quà là 108.686 triệu đồng, trong đó nhân dịp Tết Nguyên đán là 61.667,7 triệu đồng, dịp lễ 27/7 là 4.902,1 triệu đồng. Tổng trị giá tiền, quà thăm hỏi 46.820 hộ nghèo và hộ cận nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán là 10.151,5 triệu đồng. Tổng trị giá tiền, quà, hỗ trợ cho 32.117 đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP số tiền là 122.616 triệu đồng, trong đó nhân dịp Tết Nguyên đán là 17.164 triệu đồng. Hỗ trợ gạo cho các đối tượng 65,3 tấn gạo. Hỗ trợ đột biến, bất thường, nổi bật khác phát sinh tại địa phương 18.250 triệu đồng.

Dự ước đối tượng tham gia BHYT của BHXH tỉnh Lâm Đồng tính đến 30/9/2023 toàn tỉnh có 1.217.139 đối tượng tham gia BHYT, đạt 97,92% kế hoạch năm. Trong tổng số thì có 387.449 đối tượng được cấp thẻ BHYT/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí (Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí).

## 10.4. Giáo dục

**\*Trong năm học 2022-2023, ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng đạt được một số kết quả thực hiện như sau:**

- Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia: 497/604 trường đạt 82,28%, so với cùng kỳ (năm trước là 81,55% tăng 0,73% và đạt 99,28%), chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 82,87%.

- Giáo dục mầm non: Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp ở các độ tuổi tăng so với cùng kỳ năm học trước: trẻ MN (0-5 tuổi) đạt 69,73%, tăng 1,27%; trẻ nhà trẻ đạt 26,97%, tăng 0,62%, trẻ mẫu giáo đạt 88,41%, tăng 5,92%. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ngày càng được nâng cao, 100% trường có tổ chức bán trú; có 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, 100% trẻ được khám sức khỏe và theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng.

- Giáo dục tiểu học: Huy động trẻ 6 tuổi ra lớp 1 đạt 100%; triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đảm bảo các nội dung theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó học sinh lớp 3 được học môn Tin học và Tiếng Anh đạt tỉ lệ 100%.

- Giáo dục Trung học cơ sở: Tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên năm học 2023-2024, toàn tỉnh có 21.931 học sinh THCS xét tuyển vào lớp 10, riêng chỉ tiêu tuyển sinh vào 2 trường chuyên THPT Thăng Long Đà Lạt và THPT Chuyên Bảo Lộc là 1.199 học sinh.

- Tổ chức thành công kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023: 39 điểm thi; 14.687 thí sinh (thí sinh tự do: 360 thí sinh). Tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2023: Tổng số thí sinh được công nhận tốt nghiệp THPT (bao gồm cả thí sinh tự do): 14.256/14.329 (đạt tỷ lệ 99,49%). Tỷ lệ tốt nghiệp đối với học sinh đang học lớp 12 là 99,52% (xếp thứ 12/63, tăng 01 bậc so với năm 2022); điểm trung bình các môn đạt 6,44 (xếp thứ 18/63, tăng 02 bậc so với năm 2022).

### **\*Chuẩn bị cho năm học 2023 – 2024:**

- Sở GDĐT tỉnh Lâm Đồng đã chỉ đạo các đơn vị hoàn thành công tác tuyển sinh đầu cấp học, đến nay công tác tuyển sinh từ mầm non đến phổ thông và tựu trường đã hoàn thành. Kết quả tuyển sinh các lớp cụ thể như sau: lớp 1: 25.800/26.359 học sinh, đạt 97,87%; lớp 6: 28.755/28.822 học sinh, đạt 99,76%; lớp 10: 17.905/18.073 học sinh, đạt 99,07%.

- Hoàn thành công tác lựa chọn SGK lớp 4, 8 và 11, triển khai thống kê số lượng và phối hợp với các Nhà xuất bản tập huấn dạy học theo sách giáo khoa mới lớp 4, 8, 11 cho giáo viên và cung ứng sách giáo khoa theo nhu cầu của các địa phương, đơn vị.

- Hoàn thành công tác tổ chức Lễ khai giảng năm học 2023-2024: Sở GDĐT đã tham mưu Lãnh đạo Tỉnh dự Lễ Khai giảng tại 17 trường học trên địa bàn tỉnh và tặng 200 suất học bổng cho học sinh nghèo vượt khó và đạt kết quả cao trong học tập: 1.000.000đ (một triệu đồng)/1 học sinh.

- Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường MN, PT đạt chuẩn quốc gia: Tiếp tục thẩm định hồ sơ, triển khai đánh giá ngoài; kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường MN, PT đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch. Tính đến tháng 9/2023, tỷ lệ trường MN, PT công lập đạt chuẩn quốc gia: 497/604 trường đạt 82,28%; tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi hoàn thành chương trình trung học phổ thông và tương đương đạt 82%.

## 10.5. Y tế

### *\* Tình hình chung y tế năm 2023:*

Trong 9 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh ngành y tế không phát hiện trường hợp cúm A (H5N1), (H7N9), bạch hầu và bệnh tiêu chảy cấp nguy hiểm, không phát hiện ca bệnh lạ. Toàn ngành tiếp tục giám sát, điều trị bệnh Covid-19 đảm bảo đầy đủ thiết bị, thuốc men, vật tư phục vụ điều trị, đã ghi nhận 2.318 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2, trong đó hiện đang điều trị 01 trường hợp, kết thúc điều trị 2.317 trường hợp, không có trường hợp tử vong.

### *\* Công tác phòng chữa bệnh tháng 9 và 9 tháng năm 2023 như sau:*

- **Bệnh tay chân miệng:** Tháng 9/2023 số trường hợp mắc bệnh tay chân miệng được phát hiện là 221 trường hợp, tăng 190 trường hợp so với cùng kỳ. Trong 9 tháng đầu năm 2023 tích lũy có 582 trường hợp; không có trường hợp tử vong.

- **Công tác phòng chống bệnh phong:** Trong 9 tháng đầu năm 2023 duy trì tốt công tác loại trừ bệnh phong cấp huyện theo 4 tiêu chí của Bộ Y tế, không phát hiện bệnh nhân phong mới. Hiện toàn tỉnh đang quản lý 124 bệnh nhân phong, chăm sóc tàn phế cho 124 bệnh nhân.

- **Công tác phòng chống bệnh lao:** Tháng 9/2023 phát hiện 58 bệnh nhân mới. Trong 9 tháng đầu năm 2023 tích lũy có 416 bệnh nhân. Hiện toàn tỉnh đang quản lý 362 bệnh nhân lao. Từ đầu năm đến nay không có bệnh nhân lao tử vong.

- **Công tác phòng chống bệnh sốt rét:** Tháng 9/2023 không phát hiện trường hợp mắc sốt rét. Trong 9 tháng đầu năm 2023 tích lũy có 01 bệnh nhân; không có trường hợp mắc sốt rét ác tính và không có trường hợp tử vong do sốt rét.

- **Công tác phòng chống bệnh sốt xuất huyết:** Tháng 9/2023 khám phát hiện có 798 trường hợp mắc mới, tăng 339 trường hợp so với cùng kỳ. Trong 9 tháng đầu năm 2023 tích lũy có 2.762 trường hợp và có 01 trường hợp tử vong do sốt xuất huyết. Phát hiện 1.470 ổ dịch sốt xuất huyết nhỏ và đã tổ chức xử lý kịp thời không để bùng phát thành dịch lớn.

- **Công tác bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng:** Tổ chức thực hiện các hoạt động của 142 xã, phường điểm triển khai Dự án bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng tại 12 huyện, thành phố trong tỉnh; thực hiện tốt các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo quy định của dự án bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng. Quản lý và điều trị cho 1.155 bệnh nhân tâm thần phân liệt và quản lý điều trị cho 1.579 bệnh nhân động kinh. Tổng số bệnh nhân trầm cảm đang quản lý 25 bệnh nhân.

- **Công tác tiêm chủng mở rộng:** Từ đầu năm đến nay toàn tỉnh đã triển khai tiêm chủng mở rộng đạt kết quả như sau: Tiêm chủng đầy đủ cho 13.712 trẻ em, đạt 78,4% so với kế hoạch. Tiêm viêm gan B trước 24 giờ cho 13.081 trường hợp, đạt 74,8% so với kế hoạch. Tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ có thai 13.206 phụ nữ, đạt 78,35% so với kế hoạch. Tổ chức tiêm vắc xin Sởi-Rubella (MR) cho 13.188 trẻ, đạt 69% so với kế hoạch. Tiêm bạch hầu - ho gà - uốn ván (DPT) mũi 4 cho 16.631 trẻ 18 tháng tuổi, đạt 87% so với kế hoạch. Tiêm Viêm não Nhật Bản Mũi 1: 12.721 trường hợp, đạt 71,17% so với kế hoạch. Tiêm Viêm não Nhật Bản Mũi 2: 12.545 trường hợp, đạt 70,19% so với kế hoạch. Tiêm Viêm não Nhật Bản Mũi 3: 12.237 trường hợp, đạt 68,5% so với kế hoạch.

- **Công tác phòng chống HIV/AIDS:** Trong 9 tháng đầu năm 2023 phát hiện 86 trường hợp nhiễm HIV mới đưa vào quản lý (tích lũy: 1.807); không có trường hợp chuyển AIDS mới (tích lũy: 289 trường hợp); không có trường hợp tử vong do AIDS (tích lũy: 608 trường hợp). Hiện toàn tỉnh đang điều trị bằng thuốc ARV cho 905 bệnh nhân nhiễm HIV, trong đó số trẻ đang điều trị 12. Số bệnh nhân nhiễm HIV có thể bảo hiểm y tế là 859/905 bệnh nhân chiếm tỷ lệ 94,9%.

- **Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm:** Từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có xảy ra 04 vụ ngộ độc thực phẩm, với 212 người mắc, không xảy ra trường hợp tử vong.

**\* Công tác khám chữa bệnh 9 tháng năm 2023:**

Trong 9 tháng đầu năm 2023 tổ chức khám bệnh cho 1.553.782 bệnh nhân, đạt 66,7% so với kế hoạch, tăng 17,2% so với cùng kỳ. Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú: 119.151 người tăng 5,8% so với cùng kỳ. Tổng số ngày điều trị nội trú: 683.993 ngày đạt 70,7% so với kế hoạch năm, tăng 1,1% so với cùng kỳ. Công suất sử dụng giường bệnh toàn tỉnh đạt 88,4%.

**10.6. Hoạt động văn hóa - tuyên truyền**

- Trong 9 tháng đầu năm hoạt động văn hoá tuyên truyền trên địa bàn được quan tâm, chú trọng trong công tác quản lý cũng như các hoạt động: Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra các hoạt động lễ hội, quảng cáo, các giải thể thao và cơ sở lưu trú du lịch.

- Công tác tuyên truyền, cổ động trực quan và văn hóa: Trong 9 tháng đầu năm 2023, treo trên 6.566 m<sup>2</sup> Pano tuyên truyền các nội dung: Tuyên truyền phục vụ

nhiệm vụ chính trị năm 2023; Tuyên truyền chào mừng kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Tuyên truyền chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn và các sự kiện trọng đại của đất nước.

- *Hoạt động bảo tàng, thư viện, Phát hành Phim và Chiếu bóng*: Bảo tàng đón 70.659 lượt khách. Thư viện tỉnh trong 9 tháng đã cấp 6.243 thẻ, phục vụ 1.662.847 lượt bạn đọc/260.397 lượt tài liệu luân chuyển. Thực hiện chiếu phim kết hợp tuyên truyền 518 buổi, đạt 95,92% kế hoạch năm, phục vụ hơn 95.000 lượt người. Phổ biến 19 phim truyện, 20 phim tài liệu, 15 phim hoạt hình. Biên tập 39 tài liệu tuyên truyền xe loa và 555,3 m<sup>2</sup> pano tuyên truyền...

### **10.7. Hoạt động thể dục - thể thao**

- *Hoạt động thể dục thể thao*: Trong tháng 9 và 9 tháng năm 2023, hoạt động thể dục - thể thao tỉnh Lâm Đồng tiếp tục hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, với phương châm đưa thể dục thể thao về cơ sở nhằm phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng rộng khắp.

- *Thể thao thành tích cao*: Tháng 9/2023 tham gia giải bóng bàn các cây vợt xuất sắc trẻ, thiếu niên, nhi đồng quốc gia tại Bà Rịa - Vũng Tàu, kết quả đạt được 05 huy chương vàng, 04 huy chương bạc, 12 huy chương đồng. Tham gia giải vô địch cờ vua xuất sắc quốc gia năm 2023 tại Thái Nguyên, kết quả đạt được 01 huy chương vàng, 01 huy chương bạc, 01 huy chương đồng. Tham gia giải vô địch các câu lạc bộ võ cổ truyền toàn quốc năm 2023 tại Bà Rịa - Vũng Tàu, kết quả đạt được 02 huy chương bạc. Tham gia giải cầu lông, bóng bàn gia đình toàn quốc năm 2023 tại Lâm Đồng, kết quả đạt được 04 huy chương vàng, 03 huy chương bạc, 13 huy chương đồng. Tham gia giải vô địch trẻ thể hình và Fitness quốc gia và giải vô địch thể hình Nam cổ điển, Nữ Fitness và Nữ Body Fitness quốc gia năm 2023 tại Cà Mau, kết quả đạt được 01 huy chương đồng. Tham gia giải vô địch cầu lông cá nhân quốc gia năm 2023 tại Bắc Giang, kết quả đạt được 01 huy chương bạc, 01 huy chương đồng.

- *Hoạt động phong trào*: Tháng 9/2023 hỗ trợ các ban, ngành tổ chức giải bóng đá 11 người các câu lạc bộ Lâm Đồng. Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức Giải Bơi trẻ, thiếu niên, nhi đồng tỉnh tại thành phố Đà Lạt. Giải Pencaksilat Vô địch trẻ quốc gia tại thành phố Đà Lạt. Hội thao khối Văn phòng UBND tỉnh gồm các môn: Cầu lông, bóng bàn.

### **10.8. Tình hình môi trường**

- *Vi phạm môi trường*: Trong tháng 9 năm 2023, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có 01 vụ vi phạm môi trường xảy ra và đã xử phạt với số tiền là 320 triệu đồng (*tháng 9/2022 không có vụ vi phạm môi trường xảy ra*); lũy kế 9 tháng đầu năm xảy ra 02 vụ và đã xử phạt với số tiền là 640 triệu đồng (*9 tháng đầu năm 2022 có 05 vụ vi phạm môi trường xảy ra và đã xử phạt 960 triệu đồng*).

- *Tình hình thiên tai:* Tháng 9/2023 không thiệt hại về người và tài sản (tháng 9/2022 chỉ thiệt hại về tài sản trị giá khoảng 103 triệu đồng). 9 tháng năm 2023 xảy ra 10 vụ thiên tai và 14 vụ sạt lở làm chết 07 người, bị thương 04 người. Ước tổng giá trị thiệt hại khoảng 78,5 tỷ đồng và tổng số tiền hỗ trợ cho gia đình người bị chết, bị thương là 681,8 triệu đồng.

### **10.9. Tình hình an toàn giao thông**

Tình hình tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh từ ngày 15/8/2023 đến ngày 14/9/2023 xảy ra 18 vụ, tăng 14 vụ so với cùng kỳ; số người chết là 6 người, tăng 2 người; số người bị thương là 14, tăng 12 người so với cùng kỳ. Tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/9/2023, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 79 vụ tai nạn giao thông, tăng 13 vụ so với cùng kỳ; số người chết là 42 người, giảm 5 người; số người bị thương là 53 người, tăng 6 người so với cùng kỳ.

Từ ngày 15/8/2023 đến ngày 14/9/2023, đăng ký mới cho 306 ô tô và 1.531 mô tô, tổng số phương tiện hiện đang quản lý là 95.561 xe ô tô; 1.248.102 xe mô tô; 103 phương tiện đường thủy. Lực lượng Công an toàn tỉnh phát hiện, xử lý 3.727 trường hợp vi phạm luật giao thông; tổng số tiền xử phạt trên 6,883 tỷ đồng; tước 634 giấy phép lái xe; tạm giữ 467 xe mô tô, 54 xe ô tô.

### **11. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cần triển khai trong 3 tháng cuối năm 2023**

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, thực chất, hiệu quả, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, Nghị quyết số 22/NQ-TU ngày 07/12/2022 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh và Chương trình hành động số 581/CTr-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Kế hoạch số 3456/KH-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện quyết liệt các giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

Một là, theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, thiên tai, dịch bệnh để chủ động sản xuất nông nghiệp bảo đảm kịp thời, hiệu quả, đúng kế hoạch; chú trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn. thực hiện nghiêm công tác quản lý, bảo vệ rừng theo các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đề án của UBND tỉnh.

Hai là, quản lý chặt chẽ các nguồn thu, tiếp tục triển khai các giải pháp thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, mở rộng cơ sở thu và chống thất thu thuế, nhất là trên lĩnh vực kinh doanh, vận chuyển và tiêu thụ xăng dầu, vận tải, khoáng sản, bất động sản, kinh doanh nhà hàng, lưu trú, chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng vốn, điện mặt trời...



Ba là, thực hiện các giải pháp để tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho người dân và doanh nghiệp, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các lĩnh vực có động lực tăng trưởng.

Bốn là, tiếp tục quan tâm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

Năm là, quan tâm hỗ trợ các dự án điện gió, điện mặt trời đã hoàn thành đầu tư sớm đi vào hoạt động hòa lên hệ thống điện lưới quốc gia để tăng sản lượng điện, góp phần thúc đẩy tăng trưởng ngành sản xuất và phân phối điện (hiện nay tốc độ tăng trưởng đang ở mức âm).

Sáu là, có giải pháp đẩy mạnh hơn nữa giải ngân vốn đầu tư công nhằm giải phóng nguồn lực, tạo cơ hội cho sản xuất phát triển, nhiều ngành sẽ có cơ hội hưởng lợi trực tiếp như: xây dựng, giao thông vận tải, sản xuất vật liệu xây dựng...

Bảy là, tổ chức các sự kiện, xúc tiến, quảng bá, liên kết phát triển du lịch trong và ngoài nước. Triển khai thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy du lịch trở thành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Tám là, tiếp tục phát triển thương mại điện tử; kích cầu tiêu dùng, khai thác hiệu quả thị trường nội địa; tăng cường công tác quản lý thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng; thúc đẩy phát triển bền vững thị trường cho hàng hóa nông nghiệp, nhất là các sản phẩm chủ lực, có thể mạnh, có thương hiệu, sản phẩm OCOP, ...

Chín là, thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chính sách người có công với cách mạng; chính sách giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, người khuyết tật; chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách an sinh xã hội khác. Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục Thống kê;
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND, TTUBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP UBND cấp huyện;
- Các Sở, ngành;
- Cục Thống kê các tỉnh;
- Chi cục Thống kê cấp huyện;
- Lưu VT, TH.

**Q. CỤC TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Công Thạnh**